**ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.**

# BẢN CÁO BẠCH

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

*(Giấy chứng nhận đầu tư số 492021000061 ngày 20/09/2007 của Ban quản lý Khu Công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu)*

TN FLAT STEEL

## CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số: 23/UBCK-GCN do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17 tháng 2 năm 2011)

ORS securities

***Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:***

### 1. CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM THÉP LÁ THỐNG NHẤT

Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại: **(84-64) 3923636** Fax: **(84-64) 3923889**

Website: www.tnsteel.vn E-mail: tnsteel@tnsteel.vn

### 2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: **(84-8) 39 144 290** Fax: **(84-8) 39 142 295**

Website: www.ors.com.vn Email: ors@ors.com.vn

***Phụ trách công bố thông tin:***

Ông: **Nguyễn Hồng Thước** Chức vụ: - Trưởng Phòng Hành Chính Nhân Sự

Điện thoại: (84-8) 6291.4421 Fax: (84-8) 6291.4496

**ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.**

# BẢN CÁO BẠCH

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT

*(Giấy chứng nhận đầu tư số 492031000061 ngày 20/09/2007 của Ban quản lý Khu Công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu)*

## CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số:23/UBCK-GCN do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17 tháng 02 năm 2011 )

***Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:***

### 1. CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM THÉP LÁ THỐNG NHẤT

Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại**: (84-64) 3923636** Fax: **(84-64) 3923889**

Website: www.tnsteel.vn E-mail: tnsteel@tnsteel.vn

### 2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoai: **(84-8) 39 144 290** Fax: **(84-8) 39 142 295**

Website: www.ors.com.vn Email: ors@ors.com.vn

***Phụ trách công bố thông tin:***

Ông: **Nguyễn Hồng Thước** Chức vụ: - Trưởng Phòng Hành Chính Nhân Sự

Điện thoại: (84-8) 6291.4421 Fax: (84-8) 6291.4496

# CÔNG TY CỔ PHẦN
# THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT (TNFS)

*(Giấy chứng nhận đầu tư số 492031000061 ngày 20/09/2007 của*
*Ban quản lý Khu Công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu)*

# CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

| | | |
|---|---|---|
| Tên Cổ phần | : | Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất |
| Loại Cổ phần | : | Cổ phần phổ thông |
| Mệnh giá | : | 10.000 đồng/Cổ phần |
| Tổng số lượng chào bán | : | 6.000.000 Cổ phần |
| Phương án chào bán | : | Chào bán cho cổ đông hiện hữu |
| Giá chào bán | : | 10.000 đồng/Cổ phần |
| Tổng giá trị chào bán tính theo mệnh giá | : | 60.000.000.000 đồng *(Sáu mươi tỷ đồng)* |

**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

## CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN (AASC)

Địa chỉ: 27 Lam Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM
Điện thoại: (84-8) 3848.5983 Fax: (84-8) 3547.1838
Website: www.aasc.com.vn Email: aaschcm@aasc.com.vn

**TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Địa chỉ : 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM
Điện thoai: (84-8) 3914.4290 Fax: (84-8) 3914.2295
Website: www.ors.com.vn Email: ors@ors.com.vn

# MỤC LỤC

**I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU. 6**

1. Rủi ro về kinh tế. ..... 6
2. Rủi ro tỷ giá hối đoái. ..... 6
3. Rủi ro về Tài chính. ..... 6
4. Rủi ro về pháp luật. ..... 7
5. Rủi ro về đợt phát hành ..... 7
6. Rủi ro đặc thù. ..... 7
7. Rủi ro pha loãng cổ phiếu và thu nhập trên mỗi cổ phiếu Công ty sau khi chào bán ..... 8
8. Rủi ro khác. ..... 9

**II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH. 10**

1. Tổ chức phát hành. ..... 10
2. Tổ chức tư vấn. ..... 10

**III. CÁC KHÁI NIỆM. 11**

**IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH. 12**

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển. ..... 12
*1.1. Lịch sử hình thành và phát triển. ..... 12*
*1.2. Giới thiệu về Công ty. ..... 12*
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty ..... 13
3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty. ..... 14
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần (có quyền biểu quyết) của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ ..... 17
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành. ..... 18
6. Hoạt động kinh doanh ..... 18
*6.1. Sản lượng tiêu thụ qua các năm. ..... 18*
*6.2. Nguyên vật liệu. ..... 22*
*6.3. Chi phí hoạt động kinh doanh ..... 24*
*6.4. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới. ..... 24*
*6.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm. ..... 25*
*6.6. Hoạt động Marketing ..... 25*
*6.7. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế, bản quyền ..... 27*
*6.8. Các Hợp đồng cung cấp thép lớn đã và đang được thực hiện. ..... 28*
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất. 28
*7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong hai năm 2008, 2009 và 9T/2010 ..... 28*
*7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2008,2009 ..... 28*
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành. 29
*8.1. Vị thế của Công ty trong ngành. ..... 29*
*8.2. Triển vọng phát triển của ngành. ..... 30*
*8.3. Định hướng phát triển của Công ty ..... 32*
9. Chính sách đối với người lao động. 34
*9.1. Số lượng người lao động trong Công ty. ..... 34*
*9.2. Chính sách đối với người lao động. ..... 34*
10. Chính sách cổ tức ..... 36

11. Tình hình hoạt động tài chính ..... 36
*11.1. Các chỉ tiêu cơ bản.* ..... *36*
*11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.* ..... *39*
12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát. ..... 39
*12.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.* ..... *39*
*12.2. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát:* ..... *45*
*12.3. Danh sách thành viên Ban Giám đốc, Kế toán trưởng* ..... *47*
13. Tài sản. ..... 48
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010 - 2012 ..... 49
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức ..... 51
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành ..... 51
17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán phát hành. ..... 51

**V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN RA CÔNG CHÚNG. 52**

1. Loại cổ phiếu chào bán: ..... 52
2. Mã chứng khoán: ..... 52
3. Mệnh giá cổ phiếu: ..... 52
4. Tổng số cổ phần dự kiến chào bán: ..... 52
5. Phương thức, giá chào bán: ..... 52
6. Bảo lãnh phát hành: ..... 53
7. Phương pháp tính giá ..... 53
8. Kế hoạch phân phối cổ phần sau khi nhận được giấy phép từ UBCK NN ..... 54
9. Đăng ký mua cổ phần ..... 54
10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài. ..... 54
11. Các loại thuế có liên quan. ..... 55
12. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu ..... 55

**VI. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH 56**

1. Mục đích phát hành ..... 56
2. Phương án khả thi ..... 56

**VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 57**

**VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN. 57**

1. Tổ chức phát hành ..... 57
2. Tổ chức Tư vấn ..... 57
3. Tổ chức Kiểm toán ..... 57

**PHỤ LỤC 58**

# I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU.

## 1. Rủi ro về kinh tế.

Mục tiêu của Công ty là tập trung mở rộng quy mô, phát triển tiêu thụ tại thị trường trong nước. Sản phẩm của Công ty được tiêu thụ ở nhiều các lĩnh vực và các công trình xây dựng, nhà ở, gia công cơ khí... Do vậy, tốc độ và việc duy trì sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam có tác động mạnh mẽ đến việc đầu tư xây dựng Công trình và công nghiệp.

Hiện nay, tốc độ phát triển kinh tế của Việt Nam ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến tốc độ tăng trưởng của ngành thép. Mức tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2007 là 8,4%, năm 2008 là 6,23%, và năm 2009 là 5,32%. Do nền kinh tế Thế giới và Việt Nam vừa bước ra khỏi cuộc khủng hoảng toàn cầu nên mức tăng trưởng GDP vẫn còn thấp. Tuy nhiên, mức tăng trưởng GDP dự báo cho năm 2010 là 6,5%, bên cạnh đó, các chuyên gia phân tích đều cho rằng, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ mau chóng hồi phục và duy trì ở mức 7 - 8%/năm trong các năm tới. Sự phát triển lạc quan của nền kinh tế có ảnh hưởng tốt đến sự phát triển của ngành. Do vậy, có thể thấy rủi ro biến động của nền kinh tế trong những năm tới với Công ty là không cao.

## 2. Rủi ro tỷ giá hối đoái.

Nguyên liệu thép đầu vào của Công ty chủ yếu được nhập khẩu từ nước ngoài, vì vậy Công ty sẽ phải thanh toán các hợp đồng nhập khẩu bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi, ngoài ra Công ty cũng có một số khoản vay bằng ngoại tệ để nhập máy móc thiết bị phục vụ sản xuất. Do đó, biến động tỷ giá sẽ là một rủi ro đối với Công ty, ảnh hưởng đến giá nguyên vật liệu nhập khẩu, từ đó ảnh hưởng đến kết qủa hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong thời gian vừa qua, biến động kinh tế đã tác động tới tỷ giá hối đoái, giá vàng thế giới tăng kéo theo giá USD trong nước tăng ngược lại với xu thế của thế giới, gây ảnh hưởng đến những doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa, nguyên vật liệu từ nước ngoài, trong đó có các doanh nghiệp kinh doanh và sản xuất thép.

Để hạn chế rủi ro này, bên cạnh chính sách nhập khẩu, dự trữ hàng tồn kho hợp lý. Công ty cũng đã có kế hoạch chủ động cân đối nguồn ngoại tệ, ký hợp đồng mua ngoại tệ kỳ hạn phục vụ cho nhập khẩu. Công ty luôn duy trì quan hệ, uy tín tốt với các tổ chức tín dụng lớn nên nguồn vốn vay bằng ngoại tệ luôn được đảm bảo và sử dụng linh hoạt.

## 3. Rủi ro về Tài chính.

Hiện tại Công ty đang duy trì một cơ cấu tài chính hợp lý. Tuy nhiên, để tận phát triển bền vững Công ty cần thêm một lượng vốn lưu động để phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh, Công ty đang xem xét việc phát hành thêm cổ phiếu để cân đối giữa vốn vay và vốn chủ tạo nguồn vốn cố định cho hoạt động kinh doanh. Trong quá trình đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất Công ty có một số khoản vay dài hạn để đầu tư tài sản cố định. Đối với các khoản vay có thời hạn vay dài, biến động về lãi suất có thể sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Công ty.

**4. Rủi ro về pháp luật.**

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan. Ngoài ra, khi đã trở thành công ty đại chúng hoạt động của Công ty còn phải tuân thủ theo Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Hiện nay, hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế, những sự thay đổi của hệ thống pháp luật, chính sách trong nước có thể ảnh đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp và khi đó sẽ ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của Công ty. Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp.

**5. Rủi ro về đợt phát hành**

Đợt chào bán này được xem là không thành công trong trường hợp số lượng cổ phiếu thực tế được bán thấp hơn số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán trong thời hạn được cấp phép chào bán ra công chúng. Thị trường chứng khoán trong giai đoạn gần đây đã có nhiều khởi sắc, nhưng tình hình kinh tế thế giới và trong nước vẫn chưa hoàn toàn thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế. Xu hướng của thị trường vào thời điểm chào bán cổ phiếu sau khi nhận được giấy chứng nhận đăng ký chào bán của UBCKNN có thể ảnh hưởng đến kết quả phát hành của Công ty.

Tuy nhiên, đối với Công ty rủi ro này khá thấp, vì cổ phiếu chào bán trong đợt này được phân phối cho cổ đông hiện hữu những người đã gắn bó với Công ty trong suốt thời gian qua, tỷ lệ chào bán 10:3, với giá là 10.000 đồng/ cổ phiếu, phương án chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua với tỷ lệ nhất trí cao.

Ngoài ra, trong phương án phát hành, Công ty cũng đưa ra phương án xử lý số cổ phần lẻ phát sinh và số cổ phần không được cổ đông mua hết theo phương thức thực hiện quyền mua sẽ ủy quyền cho Hội đồng quản trị lập phương án phân phối trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của cổ đông, phù hợp với điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành; hoặc chào bán cho cổ đông nhà nước với giá không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu khác. Đây cũng là cơ sở để giảm thiểu rủi ro của đợt chào bán.

**6. Rủi ro đặc thù.**

Ngành thép Việt Nam hiện nay chủ yếu chịu sự ảnh hưởng rất lớn từ thị trường thép trên thế giới do các công ty thép nước ta phải nhập khẩu khá nhiều phôi thép cũng như nguyên liệu thép từ nước ngoài để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong hai năm gần đây, thị trường thép thế giới biến động mạnh, giá thép tăng giảm không ổn định khiến cho việc dự báo giá cả để dự trù kế hoạch nhập khẩu, tồn kho và bán hàng của các công ty thép trong nước nói chung và Công ty CP Thép tấm lá Thống Nhất nói riêng trở nên hết sức khó khăn. Điều này đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của các công ty thép Việt Nam. Chính ́ vậy, để lường trước và có những biện pháp ứng phó kịp thời với những rủi ro, Công ty xác định phải

luôn bám sát thị trường, xây dựng chiến lược kinh doanh và thực hiện kịp thời để vượt qua những rủi ro trên với chi phí thấp nhất.

## 7. Rủi ro pha loãng cổ phiếu và thu nhập trên mỗi cổ phiếu Công ty sau khi chào bán

### 7.1 Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu Công ty sau khi chào bán

Khi Công ty phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng sẽ làm tăng khối lượng CP lưu hành và làm loãng giá cổ phiếu và tiềm ẩn rủi ro pha loãng giá cổ phiếu đối với nhà đầu tư.

Theo Phương án tăng vốn điều lệ đã được ĐHĐCĐ thông qua thì trong năm 2010 Công ty sẽ tăng tổng cộng 30% VĐL và toàn bộ vốn điều lệ tăng thêm này dự kiến được chào bán cho cổ đông hiện hữu. Trong điều kiện thị trường như hiện nay, thị giá của cổ phiếu Công ty dao động quanh giá trị mệnh giá và mức giá dự kiến chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phần. Vì vậy, sau khi phát hành giá thị trường của cổ phiếu Công ty sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$\text{Giá thị trường (điều chỉnh)} = \frac{P_{R(t-1)} + I * P_R}{1 + I}$$

*(Nguồn : website UBCKNN)*

**Trong đó:**

$\mathbf{P_{R(t-1)}}$ : là giá giao dịch của Công ty ngày trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền.

$\mathbf{P_R}$ : là giá bán cổ phiếu bình quân trong đợt phát hành thêm.

**I** : là tỷ lệ vốn tăng.

**Ví dụ:**

Giá giao dịch ngày trước ngày chốt danh sách: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Giá cổ phiếu phát hành thêm: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Tỷ lệ vốn tăng 30%.

Như vậy, giá điều chỉnh tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền là 10.000 đồng/cổ phiếu.

### 7.2 Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần Công ty sau khi chào bán

Nhà đầu tư nên lưu ý đến ảnh hưởng của việc phát hành thêm cổ phiếu mới lên thu nhập trên mỗi cổ phần của Công ty

- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 20.000.000 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành thêm: 6.000.000 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu sau khi phát hành: 26.000.000 cổ phiếu

$$\text{Thu nhập trên mỗi cổ phần trong kỳ kế toán} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận sau thuế trong kỳ}}{\text{Khối lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

**Ví dụ**:

- Theo kế hoạch lợi nhuận sau thuế của Công ty cho năm tài chính 2010 là 99,971 tỷ đồng.
- Thu nhập trên mỗi cổ phiếu của Công ty trong trường hợp không phát hành thêm cổ phiếu là

$$\text{Thu nhập trên mỗi cổ phần trong kỳ kế toán} = \frac{99.971.000.000}{20.000.000 \text{ (cổ phần)}} = 4.999 \text{ đồng/cổ phần}$$

- Thu nhập trên mỗi cổ phần của Công ty sau khi phát hành thêm 6.000.000 cổ phiếu (giả sử thời điểm phát hành là ngày 30/09/2010) là

$$\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm 2010} = (20.000.000 \times 3 + 26.000.000 \times 1)/4 = 21.500.000 \text{ cổ phiếu}$$

$$\text{Thu nhập trên mỗi cổ phần trong kỳ kế toán} = \frac{99.971.000.000}{21.500.000 \text{ (cổ phần)}} = 4.650 \text{ đồng/cổ phần}$$

Như vậy, thu nhập trên một cổ phiếu trong năm 2010 của Công ty sau khi Công ty phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ (làm tăng số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm 2010) giảm 349 đồng/cổ phần so với trong trường hợp Công ty không thực hiện phát hành thêm cổ phiếu.

## 8. Rủi ro khác.

Các rủi ro khác như thiên tai, địch hoạ, hỏa hoạn.v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Tuy nhiên, Công ty đã mua bảo hiểm mọi rủi ro áp dụng cho các loại rủi ro nêu trên, đặc biệt đối với trường hợp đổ vỡ máy móc. Do đó các rủi ro này đã được kiểm soát ở mức thấp nhất có thể.

# II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.

## 1. Tổ chức phát hành.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT (TNFS)**

| Họ và tên | Chức vụ |
|---|---|
| Ông : Huỳnh Công Du | Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc |
| Ông : Lê Sơn Nam | Kế toán trưởng |
| Ông : Nguyễn Thanh Phong | Trưởng Ban kiểm soát |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

## 2. Tổ chức tư vấn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

Bà : **Vũ Hồng Hạnh** Chức vụ: Tổng giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký chào bán Cổ phần do Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (ORS) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất (TNFS). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất cung cấp.

TN FLAT STEEL

## III. CÁC KHÁI NIỆM.

| | |
|---|---|
| Công ty | Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất |
| Tổ chức phát hành | Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất |
| TNFS | Tên giao dịch của Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất |
| ĐHĐCĐ | Đại hội đồng cổ đông |
| HĐQT | Hội đồng quản trị |
| CT.HĐQT | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| TGĐ | Tổng giám đốc |
| P.TGĐ | Phó Tổng giám đốc |
| BKS | Ban kiểm soát |
| KTT | Kế toán trưởng |
| CBCNV | Cán bộ công nhân viên |
| UBCKNN | Uỷ ban Chứng Khoán Nhà nước |
| BHXH | Bảo hiểm xã hội |
| CNĐKKD | Chứng nhận đăng ký kinh doanh |
| BCTC | Báo cáo tài chính |
| SXKD | Sản xuất kinh doanh |
| VLXD | Vật liệu xây dựng |
| XNK | Xuất nhập khẩu |
| TNDN | Thuế thu nhập doanh nghiệp |
| HRC | Thép cán nóng dạng cuộn |

TN FLAT STEEL

# IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.

## 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.

### 1.1. Lịch sử hình thành và phát triển.

Công ty cổ phần thép tấm lá Thống Nhất (TNFS) được thành lập theo giấy chứng nhận đầu tư số 92031000061 ngày 20/09/2007 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp. Tổng vốn đầu tư là 625 tỷ đồng trong đó phần vốn điều lệ là 200 tỷ đồng. Dự kiến khi đi vào hoạt động, TNFS sẽ sản xuất và tiêu thụ 200 ngàn tấn thép tấm lá cán nguội trong một năm. Sau 3 năm xây dựng và hoàn thiện nhà máy sản xuất thép tấm lá, năm 2010 việc xây dựng sẽ hoàn tất và đến quý 2/2010 sẽ chính thức hoạt động thương mại.

Các cổ đông chính của TNFS là: (1) Tổng công ty Thép Việt Nam, (2) Công ty Tôn Phương Nam, (3) Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC, (4) Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh, (5) Công ty TNHH Thương mại Thép Mười Đây.

Vốn điều lệ của công ty từ khi thành lập đến thời điểm hiện nay là 200 tỷ đồng.

### 1.2. Giới thiệu về Công ty.

| | | |
|---|---|---|
| Tên Công ty | : | **CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM THÉP LÁ THỐNG NHẤT** |
| Tên tiếng Anh | : | **THONGNHAT FLAT STEEL JOINT STOCK COMPANY** |
| Tên viết tắt | : | **TNFS** |
| Logo | : | TN FLAT STEEL |
| Địa chỉ | : | **Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu** |
| Điện thoại | : | **(84-64) 3 923636** |
| Fax | : | **(84-64) 3 923889** |
| Email | : | tnsteel@tnsteel.vn |
| Website | : | www.tnsteel.vn |
| Tài khoản ngân hàng giao dịch | : | Số 0071004852502 tại Ngân hàng Thương Mại CP Ngoại Thương Việt Nam, Chi Nhánh TPHCM |
| Vốn điều lệ tại ngày 30/06/2010 | : | 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng) |
| Tổng số cổ phần | : | 20.000.000 (Hai mươi triệu) cổ phần phổ thông. |
| Ngành nghề kinh doanh | : | - Sản xuất kinh doanh thép cán các loại;<br>- Sản xuất kinh doanh thép sau cán, thép mạ các loại.<br>- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc thiết bị, các loại vật tư và các sản phẩm thuộc ngành thép. |

**Quá trình tăng vốn điều lệ** : Từ ngày thành lập Công ty đến nay TNFS chưa thực hiện đợt tăng vốn nào.

**Cơ cấu vốn tại thời điểm 30/06/2010 của Công ty như sau:**

| Stt | Tên cổ đông | Số cổ đông | Số cổ phần sở hữu | Giá trị | % vốn điều lệ |
|---|---|---|---|---|---|
| **I.** | **Trong nước** | **845** | **20.000.000** | **200.000.000.000** | **100,00%** |
| | Tổ chức | 6 | 12.509.390 | 125.093.900.000 | 62,55% |
| | Cá nhân | 839 | 7.490.610 | 74.906.100.000 | 37,45% |
| | ***Trong đó:*** | | | | |
| | ***1. Cổ đông Nhà nước*** | ***0*** | ***0*** | ***0*** | ***0*** |
| | ***2. Cổ đông trong Công ty*** | ***33*** | ***296.316*** | ***2.963.160.000*** | ***1,48%*** |
| | *- HĐQT, BGĐ, BKS, KTT* | *9* | *180.052* | *1.800.520.000* | *0,90%* |
| | *- Cán bộ công nhân viên* | *24* | *116.264* | *1.162.640.000* | *0,58%* |
| | *- Cổ phiếu quỹ* | *0* | *0* | *0* | *0* |
| | ***3. Cổ đông bên ngoài*** | ***812*** | ***19.703.684*** | ***197.036.840.000*** | ***98,52%*** |
| | *- Tổ chức* | *6* | *12.509.390* | *125.093.900.000* | *62,55%* |
| | *- Cá nhân* | *806* | *7.194.294* | *71.942.940.000* | *35,97%* |
| **II** | **Nước ngoài** | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | Tổ chức | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | Cá nhân | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Tổng cộng** | | **845** | **20.000.000** | **200.000.000.000** | **100,00%** |

## 2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29/11/2005. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện tại gồm: Trụ sở chính và Văn phòng TP. Hồ Chí Minh:

- **Trụ sở chính Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất :**

Trụ sở chính của Công ty là nơi đặt nhà máy, nhà điều hành sản xuất, kho hàng của Công ty, phòng kế hoạch; Xưởng sản xuất và bộ phận kỹ thuật.

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điện thoại: (84-64) 3 921 457

Fax : (84-64) 3 921 458

Website : www.tnsteel.vn

- **Văn phòng tại TP. Hồ Chí Minh:**

Văn phòng làm việc của Tổng Giám đốc và các phòng chuyên môn của Công ty gồm: phòng Kinh doanh; phòng Tài chính – Kế toán; phòng hành chính nhân sự;

Địa chỉ : Phòng 101 -103, Lầu 1, Tòa nhà 35-37 Bến Chương Dương, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-8) 62 914 421

Fax : (84-8) 62 914 496

### 3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty.

Công ty có cấu trúc bộ máy quản lý theo đúng mô hình Công ty cổ phần như sau:

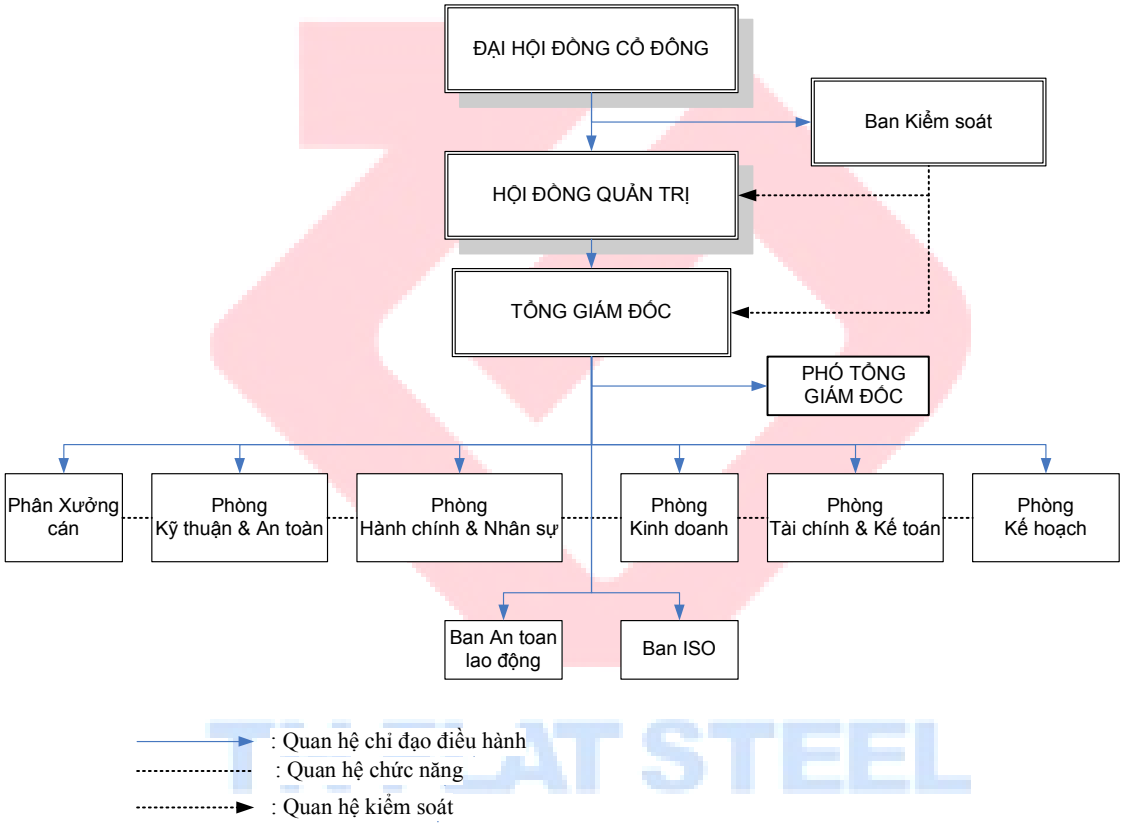


*** CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA TỪNG PHÒNG BAN**

***ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG***

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất trong Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ thảo luận và thông qua các báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động kinh doanh và quản lý Công ty, Quyết định các phương án phát triển ngắn và dài hạn của Công ty, sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty, bầu, bãi nhiệm Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, và các quyền khác theo Điều lệ Công ty và theo pháp luật hiện hành.

***BAN KIỂM SOÁT***

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban Kiểm soát gồm 3 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 3 năm.

***HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ***

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác trong Công ty.

***BAN TỔNG GIÁM ĐỐC***

Ban Tổng Giám đốc hiện tại của Công ty gồm có một Tổng Giám đốc, một Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 5 năm. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty có quyền và nghĩa vụ điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

***PHÒNG HÀNH CHÍNH & NHÂN SỰ***

Tham mưu cho Tổng giám đốc tổ chức bộ máy nhân sự và hoạch định nguồn nhân lực cho phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty. Theo từng thời điểm, bộ phận nhân sự có trách nhiệm đề ra kế hoạch tuyển dụng nhân sự, đào tạo và phát triển nhân sự nhằm tìm kiếm và nâng cao năng lực chuyên môn cho nguồn nhân sự của Công ty. Tùy theo tình hình và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, bộ phận nhân sự có kế hoạch điều chỉnh mức lương và thù lao, các chế độ đãi ngộ, thi đua, khen thưởng và kỷ luật, thực hiện việc đánh giá công việc cho CBCNV hàng tháng, hàng quý, hàng năm. Bên cạnh đó, việc xây dựng chính sách, quy chế cũng như từng bước ứng dụng và cải cách hệ thống quản trị hiện đại luôn được bộ phận Nhân sự thực hiện theo đúng quy trình, chính xác, phù hợp và đầy đủ.

***PHÒNG KINH DOANH***

Tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc phê duyệt các phương án sản xuất kinh doanh, giao các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và các phương án đầu tư của Công ty. Khai thác thực hiện việc xây dựng giá bán các thành phẩm đề ra các chính sách giá hợp lý. Theo dõi đôn đốc việc thu tiền bán hàng và theo dõi công nợ cho Công ty. Xây dựng và đẩy mạnh hoạt động Marketing, quan hệ và phát triển khách hàng, xây dựng thương hiệu và cập nhật thông tin thị trường giá cả nhằm để ra các phương án kinh doanh.

Tổ chức mua, bán vật tư, giao nhận hàng hóa, hang nhập khẩu như: HRC, dầu cán, trục cán……., thực hiện các phương án kinh doanh đã ký kết, theo dõi tình hình thực hiện hợp đồng. Thực hiện và giám sát các hoạt động xuất nhập khẩu, các thủ tục Hải quan. Xây dựng kế hoạch và giá cả gia công với các đối tác.

***PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN***

Giám sát, kiểm tra và tổ chức thực hiện công tác tài chính và hạch toán kế toán của Công ty theo đúng những quy định của pháp luật hiện hành, cũng như thực hiện chế độ báo cáo tài chính cho Công ty theo đúng qui định hiện hành.

Kiến nghị kế hoạch về tài chính, tín dụng và nhu cầu về vốn để phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Quản trị nội bộ về hiệu quả hoạt động của các bộ phận khác trong Công ty.

***PHÒNG KẾ HOẠCH***

Xây dựng hệ thống đánh giá chất lượng toàn bộ sản phẩm đầu vào và đầu ra của công ty. Thông tin cho Xưởng sản xuất và Phòng Kinh doanh về tình hình chất lượng của từng đơn hàng phục vụ cho việc tính toán kế hoạch sản xuất, bổ sung nguyên vật liệu, .v.v. cung cấp thông tin tiến độ kiểm tra sản phẩm phục vụ cho việc xuất hàng. Phối hợp với các phòng ban khách trong công ty lập kế hoạch sản xuất kinh doanh cho toàn công ty.

***PHÒNG KỸ THUẬT AN TOÀN***

Lập phương án bảo quản, bảo trì thiết bị, dụng cụ sản xuất của công ty. Định kỳ kiểm tra, sửa chữa, thay thế các thiết bị hư hỏng đảm bảo quá trình sản xuất của công ty được liên tục.

***PHÂN XƯỞNG CÁN***

Tổ chức thực hiện công tác sản xuất bao gồm vận hành máy cán, dây chuyền cuộn lại và đóng gói thành phẩm, đảm bảo hàng hóa được sản xuất đúng theo kế hoạch chất lượng và số lượng được giao.

***CÁC PHÒNG BAN KHÁC***

- Ban an toàn lao động: Chịu trách nhiệm trực tiếp trước Ban Tổng Giám đốc, do Phó Tổng Giám đốc phụ trách và làm Trưởng ban. Thành viên của Ban là lãnh đạo Phòng Kỹ Thuật, Phân Xưởng Cán, và Phòng Hành chính Nhân sự. Các cán bộ chuyên trách là các cán bộ trực thuộc Phòng Kỹ thuật. Chức năng của Ban là theo dõi và đề xuất các chế độ liên quan đến an toàn lao động, bảo hộ lao động, đưa ra các biện pháp phòng tránh và xử lý an toàn trong lao động.

Ban ISO: Có chức năng giám sát và thực hiện các chuẩn mực theo hệ thống quản lý chất lượng của Công ty.

## 4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần (có quyền biểu quyết) của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ

### 4.1. Danh sởch cổ đụng nắm giữ từ trờn 5% vốn cổ phần của Cụng ty tại thời điểm 30/6/2010:

| STT | Tên Cổ Đông | Địa chỉ | Số cổ phần | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM | 91 Láng Hạ, Đống Đa, Tp. Hà Nội | 6,249,481 | 31.25 |
| 2 | CÔNG TY TÔN PHƯƠNG NAM | Đường số 9 - KCN Biên Hòa 1 - Tỉnh Đồng Nai | 1,000,000 | 5.00 |
| 3 | CÔNG TY CP KIM KHÍ TP.HCM | Số 8 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Q.1, TP.HCM | 1,400,000 | 7.00 |
| 4 | CÔNG TY TNHH TM THÉP MƯỜI ĐÂY | 56C Lý Thường Kiệt, P. 14, Q. 10, TPHCM | 1,260,000 | 6.30 |
| 5 | CÔNG TY CP ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC | 396 Ung Văn Khiêm, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP.HCM | 1,400,000 | 7.00 |
| 6 | CÔNG TY CP TÀI CHÍNH XI MĂNG | 28 Bà Triệu - Hàng Bài - Hoàn Kiếm - Hà Nội | 1,199,909 | 6.00 |
| | **Tổng cộng** | | **12,509,390** | **62.55** |

**4.2. Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty tại thời điểm 30/6/2010:**

*(Nguồn: TNFS cung cấp)*

| STT | Tên Cổ Đông | Địa chỉ | Số cổ phần | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM | 91 Láng Hạ, Đống Đa, Tp. Hà Nội | 6,249,481 | 31.25 |
| 2 | CÔNG TY TÔN PHƯƠNG NAM | Đường số 9 - KCN Biên Hòa 1 - Tỉnh Đồng Nai | 1,000,000 | 5.00 |
| 3 | CÔNG TY CP KIM KHÍ TP.HCM | Số 8 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Q.1, TP.HCM | 1,400,000 | 7.00 |
| 4 | CÔNG TY TNHH TM THÉP MƯỜI ĐÂY | 56C Lý Thường Kiệt, P. 14, Q. 10, TPHCM | 1,260,000 | 6.30 |
| 5 | CÔNG TY CP ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC | 396 Ung Văn Khiêm, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP.HCM | 1,400,000 | 7.00 |
| | **Tổng cộng** | | **11.309.481** | **56.55** |

Theo Quy định của Luật Doanh nghiệp, cổ đông sáng lập phải nắm giữ cổ phần trong vòng 3 năm. Đến ngày 20 tháng 09 năm 2010, hạn chế về chuyển nhượng của cổ đông sáng lập sẽ hết hiệu lực.

**5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành.**

- Danh sách Công ty nắm quyền kiểm soát và cổ phần chi phối của Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất : không có
- Danh sách các Công ty mà Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất đang nắm quyền kiểm soát và cổ phần chi phối : không có

**6. Hoạt động kinh doanh.**

**6.1. Sản lượng tiêu thụ qua các năm.**

***a) Mặt hàng kinh doanh chính***

Sản phẩm kinh doanh chính của Công ty năm 2010 mới chính thức đưa ra bán trên thị trường, chủ yếu là mặt hàng tôn mạ màu, tôn mạ kẽm với tỷ trọng chiếm hơn 90% doanh thu toàn Công ty và các loại sản phẩm khác chiếm tỷ trọng khoảng 10% doanh thu.

Sản phẩm của TNFS là thép cán nguội dạng cuộn dưới dạng cứng (FH) và dạng mềm (SD) với đặc tính như sau:

- Loại cứng:
  - Độ dày: 0,15 – 0,8 mm
  - Chiều rộng: 650 – 1250 mm
  - Trọng lượng cuộn: 7 – 25 MT
  - Tiêu chuẩn: JIS G3141, EN 10025, ASTM A568, A283C, A570
  - Sử dụng: đầu vào cho ngành tôn mạ, vật liệu xây dựng…
- Loại mềm:
  - Độ dày: 0,32 – 1,80 mm
  - Chiều rộng; 650 – 1250 mm
  - Trọng lượng cuộn: 7 – 25 MT
  - Tiêu chuẩn:
  - Sử dụng: ngành công nghiệp gia dụng, mạ…

Ảnh Sản phẩm của công ty

***b) Sản lượng theo mặt hàng kinh doanh.***

Mục tiêu của TNFS lượng hàng sản xuất và bán qua các năm như sau:

Do năm đầu nhà máy phải tiến hành chạy thử nhằm đảm bảo các tính năng của máy móc được kiểm tra chất lượng và tính ổn định của thiết bị, cũng như phải mất thời gian 3 tháng cho chạy thử, đồng thời với tình hình giá thép cuộn HRC (Thép cuộn cán nóng) đầu vào đang biến động nhanh hiện nay và khả năng tài chính của công ty còn hạn hẹp. Do đó để giảm áp lực tài chính do phải mua HRC đầu vào giá cao, giảm rủi ro khi mua HRC trong điều kiện giá HRC thế giới đang biến động lớn như hiện nay thì công ty không đặt nặng sản lượng cho năm đầu nên sản lượng năm đầu dự kiến chỉ là 70,000 tấn. Sau khi thiết bị ổn định và được chứng minh công suất công ty sẽ gia tăng sản lượng vào các năm tiếp theo.

**BẢNG KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ NĂM 2010-2012**

| Năm | Sản lượng tiêu thụ (tấn) | % Công suất (%) |
|---|---|---|
| 2010 | 70.000 | 35% |
| 2011 | 120.000 | 60% |
| 2012 | 160.000 | 80% |

*(Nguồn: TNFS cung cấp)*

**CHI TIẾT KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ NĂM 2010 (Ngàn tấn)**

| Tháng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | Tổng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Sản lượng | 0 | 0 | 0 | 4 | 6 | 10 | 10 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 70 |

*(Nguồn: TNFS cung cấp)*

***c) Doanh thu theo mặt hàng kinh doanh.***

Hiện nay Công ty chỉ sản xuất một mặt hàng duy nhất đó là Thép tấm lá cán nguội dạng cuộn cho nên doanh thu của mặt hàng này cũng chính là tổng doanh thu của Công ty.

Đánh giá được nhu cầu thép tấm lá cán nguội dạng cuộn ở thị trường nội địa rất lớn, cho nên mục tiêu chiến lược trong vòng 3 năm tới 2010 đến 2012 của Công ty là sản xuất hàng hóa để xuất bán cho các đối tác ở trong nước. Hướng đi tiếp theo của Công ty khi thị trường trong nước bão hòa hoặc gặp phải sự cạnh tranh khốc liệt là Công ty sẽ tìm kiếm đối tác và mở rộng thị trường xuất khẩu đi các nước khác. Với sự hỗ trợ và hợp tác nhiệt tình về thị trường đầu ra của các cổ đông lớn là các doanh nghiệp có thương hiệu mạnh trong ngành thép cho nên Công ty đã tự tin xây dựng kế hoạch doanh thu các năm 2010 – 2012 cụ thể như sau:

## BẢNG KẾ HOẠCH DOANH THU NĂM 2010-2012

| Năm | Doanh thu bán hàng (triệu đồng) | % Tăng giảm so với năm kế trước (%) |
|---|---|---|
| 2010 | 1.115.466 | |
| 2011 | 2.655.871 | 138% |
| 2012 | 3.124.554 | 18% |

## BẢNG CÁC HỢP ĐỒNG LỚN ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN NĂM 2010

| Tên HĐ | Đối tác | Sản phẩm, dịch vụ | Tổng sản lượng bán (ngàn tấn) | Thời gian thực hiện |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Tôn Phương Nam | Thép tấm lá dạng cuộn | 17.50 | 2010 |
| 2 | Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC | Nt | 8.75 | 2010 |
| 3 | Các công ty sản xuất và thương mại | Nt | 24.50 | 2010 |
| 4 | Các khách hàng khác | Nt | 19.25 | 2010 |

## BẢNG CÁC HỢP ĐỒNG LỚN TRONG 06 THÁNG NĂM 2010

| Tên HĐ | Đối tác | Sản phẩm, dịch vụ | Trị giá (đồng) | Thời gian thực hiện |
|---|---|---|---|---|
| BÁN | TÔN PHƯƠNG NAM | SPCC-1B | 8,326,288,770 | THÁNG 4 |
| BÁN | TÔN PHƯƠNG NAM | SPCC-1B | 11,406,462,400 | THÁNG 5 |
| BÁN | TÔN PHƯƠNG NAM | SPCC-1B | 9,233,672,250 | THÁNG 6 |
| BÁN | POSVINA | SPCC-1B | 1.882.512.980 | THÁNG 4 |
| BÁN | TÔN ĐÔNG Á | SPCC-1B | 1,885,706,950 | THÁNG 5 |

*(Nguồn: TNFS cung cấp)*

***d) Lợi nhuận gộp theo mặt hàng kinh doanh.***

Năm 2010 công ty mới bắt đầu sản xuất sản phẩm chính và đưa ra thị trường. Lợi nhuận năm 2008 và 2009 của công ty chủ yếu là do hoạt động tài chính mang lại, sang năm 2010 Công ty mới bắt đầu có lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính, dự kiến lợi nhuận gộp đạt khoảng 7-8%.

## 6.2. Nguyên vật liệu

***a) Nguồn nguyên vật liệu.***

Nguồn nguyên liệu chính để sản xuất thép tấm lá cán nguội dạng cuộn là Thép cán nóng dạng cuộn (HRC). Hiện tại trong nước chưa sản xuất được nguyên liệu này vì vậy các nhà sản xuất phải nhập khẩu 100% nguyên liệu từ nước ngoài hoặc mua lại nguyên liệu từ các nhà nhập khẩu phân phối thép trong nước. Do đó giá nguyên liệu và tính ổn định của nguyên liệu phụ thuộc rất nhiều vào tỷ giá ngoại tệ và nguồn nguyên liệu thép HRC trên thế giới.

Đặc thù của Công ty là mới thành lập và năm 2010 nhà máy mới bắt đầu đi vào hoạt động cho nên gặp nhiều khó khăn về vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho nên năm 2010 chiến lược của Công ty là mua nguyên liệu từ các đối tác trong nước để hưởng các chính sách về thanh toán. Hiện nay Công ty đang mua hàng chủ yếu là từ Tổng công ty Thép Việt Nam và Công ty cổ phần đầu tư thương mại SMC, đây cũng là hai công ty phân phối thép lớn của Việt Nam và cũng là hai cổ đông lớn của Công ty cho nên có tính ổn định về nguồn nguyên liệu rất cao, không những thế Công ty còn được hưởng chính sách mua hàng trả chậm, điều này giảm đi rất nhiều áp lực về vốn kinh doanh của Công ty.

Sang năm 2011 khi hoạt động sản xuất kinh doanh đi vào ổn định, uy tín và thượng hiệu của Công ty cũng sẽ tăng lên khi là thành viên chính thức của thị trường, TNFS sẽ lập kế hoạch tiếp tục thu hút vốn từ cổ đông bằng việc phát hành chứng khoán để bổ sung một phần vốn kinh doanh, một phần khác sẽ vay ngân hàng và chiếm dụng thương mại. Khi nguồn vốn kinh doanh đã đáp ứng Công ty sẽ mở rộng sản xuất để nâng cao công suất và hướng đến mục tiêu nhập nguyên liệu trực tiếp từ đối tác nước ngoài để giảm giá thành sản xuất.

Dựa trên kế hoạch sản xuất năm 2010 Công ty đã xây dựng được tổng số nguyên liệu cần mua dự kiến cho năm 2010 là 80 ngàn tấn.

**DANH SÁCH NHÀ CUNG CẤP NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT**

| Stt | Đối tác | Chủng loại | Độ dày | Nước nhập khẩu |
|---|---|---|---|---|
| 1 | TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM | SAE1006 | 1.6-1.75-2.0-2.55X1200 | NIPPON- NHẬT BẢN |
| 2 | MITSUI CO.,LTD | SAE1006 | 2.0 X 1219 | NHẬT BẢN |
| 3 | CTY TNHH SẮT THÉP NGỌC BIỂN | SAE1006 | 1.75-1.95 X 1219 | SHANGCHEN-TRUNG QUỐC |
| 4 | CTY TNHH 1TV CƠ KHÍ SMC | SAE1006 | 2.0 X 1219 | NIPPON-NHẬT BẢN |

*(Nguồn: TNFS cung cấp)*

***b) Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên vật liệu.***

Nguồn cung sản phẩm thép của Công ty chủ yếu từ hai nguồn là nhập khẩu và doanh nghiệp nhập khẩu phân phối thép trong nước. Sự ổn định của nguồn cung cấp sản phẩm đầu vào của TNFS do đó phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố cung và cầu của thị trường trong nước cũng như định hướng phát triển của Chính phủ Việt Nam đối với mặt hàng này. Những biến động trên thị trường thế giới cũng trực tiếp tác động đến nguồn cung nguyên liệu và hoạt động kinh doanh của Công ty.

Dự đoán nhu cầu thép trong năm 2010 sẽ tăng khoảng 10%. Đây là mức tăng trưởng khá tốt, chủ yếu nhờ mức tăng sản lượng của Trung Quốc và một số nước châu Á. Trung Quốc vẫn đứng đầu với sản lượng 567,8 triệu tấn, đạt mức tăng trưởng 13,5% trong năm 2009, và chiếm 46,5% tổng sản lượng thép toàn cầu. Dự báo trong năm 2010, Trung Quốc sẽ tiếp tục là động lực tăng trưởng của ngành thép toàn cầu.

***c) Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận.***

Nhìn chung, hiện nay các nhà máy sản xuất thép trong nước phải nhập khẩu nguyên liệu đầu vào như thép phế, phôi thép từ nước ngoài nên giá cả nguyên liệu phụ thuộc rất lớn vào sự biến động giá trên thế giới.

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và thương mại, khi giá cả đầu vào biến động cũng sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến kết quả kinh doanh của Công ty. Nếu Công ty có lượng hàng tồn kho với chi phí giá vốn lớn trong khi giá bán thép lại có xu hướng giảm thì nguy cơ thua lỗ là rất lớn và ngược lại sẽ mang đến lợi nhuận rất cao cho Công ty. Tuy nhiên, trước những biến động khó lường của giá cả thị trường Công ty có những biện pháp dự báo về biến động giá thép nhằm giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh.

### 6.3. Chi phí hoạt động kinh doanh

ĐVT: Triệu đồng

| Chi tiêu | Năm 2008 | Năm 2009 | Quý 3/2010 |
|---|---|---|---|
| | Giá trị | Giá trị | Giá trị |
| Giá vốn hàng bán | | | 262,686 |
| Chi phí bán hàng | | | 310 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 2,253 | 5,127 | 3,123 |
| Chi phí tài chính | | | 6,388 |
| **Tổng cộng chi phí** | **2,253** | **5,127** | **272,507** |

*(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý 3/2010 của TNFS cung cấp)*

Chi phí giá vốn hàng bán năm 2008 và 2009 không có vì đây là khoảng thời gian công ty đang xây dựng nhà máy nên chưa hoạt động sản xuất kinh doanh. Chi phí tài chính năm 2008 và 2009 không thể hiện trên Báo cáo kết quả kinh doanh là do Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nên chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị đầu tư. Trong năm 2010 Công ty sẽ hoàn thành việc xây dựng nhà máy và đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu, lợi nhuận cho Công ty cho nên năm 2010 các khoản chi phí này mới được thể hiện đầy đủ trên Báo cáo tài chính.

### 6.4. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.

Trong giai đoạn hiện nay, ngày càng có nhiều Doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực với Công ty, dẫn đến việc cạnh tranh rất gay gắt và qua đó làm giảm lợi nhuận, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Sau khi tìm hiểu, nghiên cứu nhu cầu thị trường thép tấm lá trong nước, nhằm đa dạng hóa các sản phẩm và phù hợp với mục tiêu, chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh dài hạn, Công ty TNFS xác định cho mình thị trường và khách hàng mục tiêu trong tương lai là các doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp sản xuất tôn mạ màu và tôn mạ kẽm và đóng tàu. Xuất phát từ mục tiêu trên, trong tương lai không xa khi mà nhà máy thép tấm lá cán nguội đi vào hoạt động ổn định Công ty có kế hoạch đầu tư dây truyền tôn mạ màu và tôn mạ kẽm để gia tăng giá trị cho sản phẩm thép tấm lá cán nguội, dây truyền này sẽ tạo ra sự đa dạng về sản phẩm và mở rộng thị trường cũng như đối tượng khách hàng. Cũng liên quan đến việc đầu tư, hiện tại Công ty đã ký hợp đồng và mở L/C để mua dây chuyền cuộn lại để cuộn chặt, chắc chắn cho sản phẩm thép tấm lá phục vụ mục đích dễ đóng gói, dễ vận chuyển. Dự kiến tháng 04/2011 dây chuyền này sẽ đi vào hoạt động.

### 6.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm.

***a) Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng.***

Hiện nay, Công ty đang triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tương rất chặt chẽ trên nguyên tắc tuân thủ theo các tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 9001, đồng thời công ty cũng đang đàm phán với các tổ chức chuyên nghiệp về ISO để xin cấp chứng chỉ ISO 9001. Việc ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng tương tự theo tiêu chuẩn ISO đã được triển khai thực hiện, xây dựng toàn bộ quy trình và đảm bảo mục tiêu phát triển trong tương lai. Cụ thể Công ty đã thiết lập sổ tay chất lượng nhằm xác định phạm vi hoạt động của hệ thống quản lý chất lượng trong công ty, đảm bảo cho việc thỏa mãn yêu cầu của khách hàng trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thép tấm lá với chính sách hướng tới khách hàng ngày một tốt hơn, từng bước xây dựng thương hiệu TNFS trên thương trường với một giá trị mới hơn và chất lượng cao hơn. Sổ tay chất lượng cũng nhằm mục đích trình bày Hệ thống quản lý chất lượng cho khách hàng và các tổ chức bên ngoài có liên quan, đồng thời phân rõ trách nhiệm và quyền hạn của những cán bộ chủ chốt trong Công ty và đảm bảo mọi người đều thấu hiểu trách nhiệm được giao.

***b) Bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm.***

Chất lượng mỗi cuộn thép của TNFS đều được đảm bảo bằng một chuỗi kiểm tra và thử nghiệm trong suốt quá trình sản xuất đến khi thành phẩm. Kích thước và trạng thái bề mặt của cuộn thép cũng như các hoạt động kiểm nghiệm có tính chất khác của băng thép đều được thử mẫu và kiểm tra một cách nghiêm ngặt.

Công ty thực hiện phương thức kiểm tra chéo liên tục, khi sản phẩm được sản xuất ra bộ phận kế hoạch kiểm tra về số lượng, sau đó bộ phận giám sát chất lượng sẽ kiểm tra chéo chất lượng và số lượng sản phẩm, công tác kiểm tra được áp dụng chặt chẽ từng khâu.

### 6.6. Hoạt động Marketing.

***a) Sản phẩm:***

- Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất có sản phẩm là cuộn thép cán nguội.
- Cơ cấu sản phẩm gồm 2 chủng loại, đó là loại cứng FH (FH: Full Hard Steel Sheet in Coil) và chất lượng cao CRS (CRS: Annealed Cold Rolled Steel Sheet in Coil).
- Sản phẩm của công ty là hàng chất lượng thương mại phạm vi áp dụng dùng trong sản xuất ống, tấm lợp, thép lá dùng sơn và mạ.
- Tiêu chuẩn của sản phẩm phù hợp và đạt theo tiêu chuẩn của Việt Nam.
- Sản phẩm của công ty bán chủ yếu cho đại lý và doanh nghiệp sản xuất trực tiếp tôn mạ kẽm và tôn mạ màu.

***b) Giá :***

- Sản phẩm được bán cho đại lý và doanh nghiệp sản xuất trực tiếp vì vậy cần phải có chính sách chiết khấu và giảm giá đại lý cụ thể cho khách hàng. Giảm giá khi Khách hàng thanh toán ngay, giảm giá khi khách hàng mua khối lượng lớn, đều hàng tháng. Cụ thể như sau :
    - Ưu đãi cho Khách hàng thanh toán ngay : Giảm ngay 100.000 VND /tấn cho Khách hàng mua hàng mà thanh toán ngay.
    - Ưu đãi Khách hàng mua với số lượng lớn trong 1 tháng.
        - Nếu tổng khối lượng tiêu thụ đạt 50 tấn/tháng trở lên thì được hưởng mức chiết khấu tương đương là 100.000 đồng/tấn, tính cho khối lượng vượt định mức 50 tấn
        - Nếu tổng khối lượng tiêu thụ đạt 200 tấn/tháng trở lên thì được hưởng mức chiết khấu tương đương là 160.000 đồng/tấn, tính cho khối lượng vượt định mức 200 tấn.
        - Nếu tổng khối lượng tiêu thụ đạt 400 tấn/ tháng trở lên thì được hưởng chiết khấu là 320.000 đồng/ tấn tính cho khối lượng vượt định mức 400 tấn.
        - Nếu tổng khối lượng tiêu thụ đạt 800 tấn/ tháng trở lên thì được hưởng chiết khấu là 480.000 đồng/tấn tính cho khối lượng vượt định mức 800 tấn.

***c) Phân phối :***

- Sản phẩm được làm ra tại nhà máy nằm trong KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Sản phẩm sẽ được giao tại nhà máy sản xuất.
- Khách hàng sử dụng sản phẩm và dịch vụ của công ty là những khách hàng tiêu thụ & sử dụng nguyên liệu thép tấm lá cán nguội.
- Những khách hàng đó là:
    - Công ty sản xuất tôn (tôn mạ kẽm, tôn mạ màu).
    - Khách hàng sản xuất ngành thép dẹp, thép ống, xà gồ.
    - Khách hàng thép lá mạ kẽm, thép lá mạ màu.
- Những công ty sử dụng nguồn nguyên liệu là thép tấm lá phân bố trải rộng khắp địa bàn cả nước.
- Dựa vào cơ cấu tiêu thụ, sản phẩm của công ty sẽ được bán và phân phối chủ yếu tập trung vào miền Nam. Sau đó là miền Bắc và miền Trung.

*d) Quảng bá sản phẩm – khuyến mãi :*

- Áp dụng chính sách quảng bá sản phẩm trực tiếp đến từng khách hàng.
- Thiết kế logo đặc trưng và đăng ký bản quyền.
- Thiết kế trang web, brochure giới thiệu chi tiết công ty và các sản phẩm.
- Marketing trực tiếp cho khách hàng, gặp từng khách hàng cụ thể.
- Hội nghị khách hàng được tổ chức định kỳ hàng năm nhằm thu thập thông tin và các ý kiến phản hồi.

## 6.7. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế, bản quyền.

**Logo và nhãn hiệu Công ty**: TN FLAT STEEL

Logo TNFS sử dụng hai màu chủ đạo: màu đỏ và màu xanh dương.

**Tên TNFS:**

Tên TNFS xuất phát từ tên Tiếng Anh viết tắt của "Thong Nhat Flat Steel JSC". Sản phẩm chính là Thép tấm lá cán nguội dạng cuộn. Tên TNFS thể hiện ngành nghề kinh doanh của công ty là sản xuất và kinh doanh các loại thép tấm lá.

Công ty cũng đã đăng ký tên miền bằng địa chỉ: http://www.tnsteel.vn.

**Màu sắc của nhãn hiệu**

Màu chủ đạo của logo gồm màu đỏ (biểu tượng) và màu xanh (tên công ty).

Đỏ: C: 15, M: 100, Y: 90, K: 10

R: 191, G: 30, B: 45

Xanh: C: 15, M: 66, Y: 0, K: 10

R: 0, G: 96, B: 174

**Mô tả nhãn hiệu**

LOGO bao gồm hai chữ T và N được cách điệu từ hai chữ đầu của Thống Nhất (T&N), ghép vào nhau tạo thành một khối liền thống nhất, bền vững. Hai chữ ghép lại tạo một vòng xoay theo hướng từ trong ra ngoài, thể hiện sự phát triển và mở rộng của công ty sau này. Nét chữ to bản tạo cho logo sự cứng cáp cảm giác như được uốn ra từ các lá thép. Tên của công ty được sử dụng font Arial Black cho cảm giác mạnh mẽ.

Về mặt biểu tượng, phần cách điệu hai chữ T và N tạo dáng một cuộn thép biểu hiện sản phẩm chính của công ty.

### 6.8. Các Hợp đồng cung cấp thép lớn đã và đang được thực hiện.

| STT | Khách hàng | Nội dung | Sản lượng (ngàn tấn) |
|---|---|---|---|
| 1 | Công ty Tôn Phương Nam | Hợp đồng bán thép tấm lá cán nguội | 17.5 |
| 2 | Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC | Hợp đồng bán thép tấm lá cán nguội | 8.75 |
| 3 | Các công ty sản xuất & Thương mại | Hợp đồng bán thép tấm lá cán nguội | 24.5 |
| 4 | Các khách hàng khác | Hợp đồng bán thép tấm lá cán nguội | 19.25 |
| | **TỔNG CỘNG** | | **70.0** |

*(Nguồn: TNFS cung cấp)*

## 7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất.

### 7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong hai năm 2008, 2009 và Quý 3/2010:

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2008 | Năm 2009 | Chênh lệch | | Quý 3/2010 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Giá trị | % | |
| 1 | Tổng tài sản | 164,238 | 501,311 | 337,073 | 205.2% | 747,537 |
| 2 | Doanh thu thuần | - | - | | | 272,308 |
| 3 | Giá vốn hàng bán | - | - | | | 262,686 |
| 4 | Doanh thu hoạt động tài chính | 14,665 | 8,254 | (6,411) | -43.7% | 381 |
| 5 | Chi phí tài chính | - | - | | | 6,388 |
| 6 | Chi phí bán hàng | - | - | | | 310 |
| 7 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 2,253 | 5,127 | 2,874 | 127.6% | 3,123 |
| 8 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 12,412 | 3,127 | (9,285) | -74.8% | 181.8 |
| 9 | Lợi nhuận khác | - | (130) | | | 167.7 |
| 10 | Lợi nhuận trước thuế | 12,412 | 2,997 | (9,415) | -75.9% | 349.6 |
| 11 | Lợi nhuận sau thuế | 8,937 | 2,383 | (6,554) | -73.3% | 349.6 |
| 12 | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 5.9% | 1.31% | | | |

*(Nguồn: TNFS cung cấp)*

### 7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2008,2009

Công ty được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp khi lập dự án đầu tư nhà máy tại Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, thời gian được miễn, giảm như sau: được miễn thuế trong 3 năm kể từ

khi có thu nhập chịu thuế, giảm 50% trong 7 năm tiếp theo. Thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và 28% cho các năm tiếp theo.

Năm 2008 và 2009 Công ty đang trong giai đoạn xây dựng nhà máy sản xuất và hoàn thiện các quy trình quản lý công ty cho nên thời gian này Công ty chưa có Doanh thu bán hàng. Tuy nhiên thời gian này công ty cũng có khoản tiền nhàn rỗi, ban lãnh đạo sử dụng linh hoạt đồng tiền và đem gửi tiết kiệm mang lại một khoản lợi nhuận cho Công ty.

## 8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.

### 8.1. Vị thế của Công ty trong ngành.

Hiện nay TNFS là đơn vị sản xuất mới đi vào hoạt động năm 2010 cho nên chưa khẳng định được vị trí trong ngành. Tuy nhiên nếu xét công suất thiết kế của Công ty so với các doanh nghiệp lớn trong ngành sản xuất thép tấm lá thì TNFS có thể nói là được xếp hàng thứ 3.

| Tên công ty | Công suất thiết kế (ngàn tấn) | Ghi chú |
|---|---|---|
| Posco Việt Nam | 1.200 | Hoạt động từ tháng 8/2009 |
| Công ty thép tấm lá Phú Mỹ | 400 | Hoạt động từ năm 2006 |
| CTCP Thép tấm lá Thống Nhất | 200 | Hoạt động quý 2/2010 |
| Công ty Sunsco | 150 | Hoạt động cuối tháng 10/2007 |
| Công ty Hoa Sen (Hoasen Group) | 150 | Hoạt động từ tháng 3/2007 |

Dưới đây là một số lợi thế cạnh tranh nổi bật của TNFS so với các doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực:

- ✓ TNFS luôn xây dựng một chính sách giá phù hợp và mang tính cạnh tranh cao nhằm cung cấp cho khách hàng một mức giá tốt nhất.
- ✓ TNFS có các cổ đông lớn nhiều kinh nghiệm và mối quan hệ trong ngành sắt thép. Trong đó phải kể đến cổ đông là Tổng Công ty thép Việt Nam có uy tín sâu rộng là đơn vị đã hỗ trợ nhiều nhất cho việc thành lập, xây dựng nhà máy, kêu gọi các nhà đầu tư góp vốn, hỗ trợ Công ty về vốn kinh doanh, nguyên liệu, đầu ra cho các sản phẩm của TNFS khi nhà máy bắt đầu đi vào hoạt động. Mặt khác cổ đông là Công ty cổ phần đầu tư và thương mại SMC là một đơn vị có nhiều kinh nghiệm trong việc phân phối sản phẩm và không ngừng hỗ trợ TNFS trong việc mua bán nguyên liệu, thiết lập kênh phân phối sản phẩm. Ngoài ra công ty cũng có các cổ đông khác đã

nhiệt tình hỗ trợ về tài chính cũng như công sức từ lúc đầu tư xây dựng nhà máy cho đến khi nhà máy chính thức đi vào hoạt động và cả những đoạn đường phát triển doanh nghiệp sau này của doanh nghiệp. Cổ đông vững chắc là nền tảng của sự tồn tại và phát triển doanh nghiệp.

- ✓ Thép tấm lá cán nguội là mặt hàng kinh doanh tương đối mới tại Việt Nam do đối tượng sử dụng chủ yếu là các doanh nghiệp sản xuất hàng gia dụng, trang trí nội thất tôn mạ màu, tôn mạ kẽm, doanh nghiệp sản xuất ôtô, xe máy, đóng tàu biển. Tuy nhiên, Công ty cũng đã nhanh chóng trở thành nhà cung cấp chính mặt hàng thép lá cán nguội cho các nhà sản xuất tôn mạ màu, tôn mạ kẽm như Tôn Phương Nam, Posvina, BlueScope… đồng thời công ty cũng nhắm vào các công ty thương mại lớn và là cổ đông của TNFS như SMC, Kim khí Tp. Hồ Chí Minh.... Dự kiến khi công ty hoạt động sản xuất, 90% sản lượng sẽ phục vụ cho hàng mạ kẽm mạ màu, 10% sản lượng sẽ cho các mục đích khác. Sản phẩm loại cứng (FH) sẽ chiếm khoảng 90% sản lượng, loại mềm 10% sản lượng.
- ✓ Quan hệ với các nhà sản xuất: Công ty vừa là người mua nguyên liệu nhập khẩu cũng như nhà cung cấp sản phẩm cho Tổng Công ty Thép Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại SMC, ngoài ra còn là nhà cung cấp sản phẩm cho các nhà sản xuất lớn như Tôn Phương Nam, Posvina, BlueScope …, quan hệ về hỗ trợ sản xuất với Công ty Thép Tấm Lá Phú Mỹ (cũng thuộc Tổng Công ty Thép Việt Nam) đây là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tẩy rửa thép nguyên liệu và dịch vụ cuộn lại sản phẩm sau khi sản xuất.

### 8.2. Triển vọng phát triển của ngành.

#### a. Thị trường thép Thế giới:

Theo nhận định của Posco, hãng thép lớn nhất của Hàn Quốc, nhu cầu thép thế giới có thể tăng đến 16% năm 2010 do số lượng đơn đặt hàng từ các hãng xe ô tô và công ty xây dựng tăng. Trong khi đó, các hãng thép tại Trung Quốc, châu Âu và Mỹ đang nâng sản lượng và nền kinh tế Mỹ có dấu hiệu hồi phục. Sự vực dậy của nền kinh tế lớn nhất thế giới là một dấu hiệu tốt cho nền kinh tế toàn cầu nói chung và cho ngành thép nói riêng.

#### b. Thị trường thép Việt Nam:

Là một trong những ngành công nghiệp trọng điểm, nhưng mấy năm qua ngành thép Việt Nam đã trải qua những khó khăn cùng với cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên từ đầu năm 2009 đến nay, nhờ vào một số biện pháp kích thích kinh tế, ngành thép đang có những dấu hiệu hồi phục và phát triển.

Mục tiêu phát triển ngành thép đến năm 2010, tầm nhìn đến 2020 theo Viện nghiên cứu chiến lược chính sách công nghiệp: Phát triển ngành thép Việt Nam nhanh chóng trở thành một ngành phát triển hoàn chỉnh theo công nghệ hiện đại, tiên tiến, sử dụng tối đa nguồn quặng sẵn có trong nước, trên cơ sở xây dựng khu liên hợp luyện kim công suất 4-5 triệu tấn thép/năm, sử dụng tối đa và có hiệu quả nguồn nguyên liệu khoáng sản trong nước, áp dụng các công nghệ mới hiện đại đang được sử dụng trên thế giới, cố gắng thoả mãn tối đa nhu cầu trong nước về thép cán (cả về số lượng, chủng loại, quy cách và chất lượng sản phẩm). Từ thay thế nhập khẩu tiến tới xuất khẩu sản phẩm thép. Phấn đấu đến năm 2020 sẽ có một ngành thép phát triển bền vững với tốc độ tăng trưởng cao, bảo đảm tốt về chất lượng, đầy đủ về số lượng và chủng loại sản phẩm, đáp ứng cho nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Trong giai đoạn đầu sẽ phát triển các khâu hạ nguồn trước như sản xuất thép cán tròn xây dựng, thép cán tấm nóng, cán tấm nguội... đi từ thép phôi, thép nhập khẩu và một phần thép phế liệu. Trong quá trình phát triển sẽ tiếp tục đầu tư chiều sâu các cơ sở hiện có, nghiên cứu phát triển khâu thượng nguồn có sử dụng quặng sắt trong nước và một phần quặng sắt nhập khẩu phù hợp với trình độ công nghệ đã thuần thục. Dưới đây là những quan điểm cụ thể để phát triển ngành thép:

- ✓ Thép là vật tư chiến lược không thể thiếu của ngành công nghiệp, xây dựng và quốc phòng, có vai trò hết sức quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Ngành thép được xác định là ngành công nghiệp cần ưu tiên phát triển.
- ✓ Trên cơ sở phát huy có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản sẵn có trong nước, kết hợp với nhập khẩu một phần quặng và phôi của nước ngoài, xây dựng khu liên hợp luyện kim công suất 4-5 triệu tấn thép/năm để từng bước đáp ứng nhu cầu thép trong nước cả về chủng loại và chất lượng. Trong giai đoạn đầu tập trung phát triển các khâu hạ nguồn như cán thép xây dựng, thép cán tấm nóng, cán tấm nguội, sau đó cần nghiên cứu phát triển khâu sản xuất thượng nguồn để sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên trong nước.
- ✓ Kết hợp chặt chẽ giữa phát huy nội lực và tranh thủ tận dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ nước ngoài (trước hết về thiết bị và công nghệ). Kết hợp hài hoà giữa yêu cầu giữ vững độc lập tự chủ về kinh tế với xu thế hội nhập, toàn cầu hoá; tự chủ nhưng không bỏ qua các cơ hội hợp tác và phân công lao động quốc tế để đẩy nhanh tốc độ phát triển ngành thép. Đa dạng hoá vốn đầu tư cho ngành thép. Vốn đầu tư của nhà nước chủ yếu dành cho phát triển các nguồn quặng trong nước và các công trình sản xuất thép tấm, thép lá.

- ✓ Về công nghệ: Trong giai đoạn đến 2020 vẫn sử dụng công nghệ truyền thống là sản xuất lò cao luyện thép. Đồng thời tích cực nghiên cứu áp dụng các công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại để phát triển ngành thép. Đối với khu liên hợp luyện kim khép kín có vốn đầu tư lớn và thời gian xây dựng kéo dài, có thể triển khai trước khâu sản xuất cán kéo. Sau sẽ phát triển tiếp khâu sản xuất phôi cán từ quặng.
- ✓ Nhà nước có chính sách hỗ trợ tích cực cho ngành thép trong khuôn khổ cho phép của các cam kết thương mại và hội nhập quốc tế.
- ✓ Đi đôi với việc đầu tư xây dựng các nhà máy hiện đại, phải hết sức coi trọng đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị công nghệ, hiện đại hoá các cơ sở hiện có lên ngang bằng tiên tiến trong nước và khu vực.
- ✓ Quan tâm công tác đào tạo nhân lực và phát triển khoa học công nghệ phục vụ phát triển ngành.

Dự báo nhu cầu các sản phẩm thép các giai đoạn như sau:

*(I-Tăng trưởng GDP (%); II- Tăng trưởng công nghiệp (%); III- Tăng trưởng sản xuất thép (%); IV- Tăng tiêu thụ thép (%); V- BQ đầu người (kg/người)*

| Giai đoạn | I | II | III | IV | V |
|---|---|---|---|---|---|
| 2006-2010 | 7,5 | 10,38 | 10 | 10,6 | 123 |
| 2011-2015 | 7,0 | 8-9 | 9-9,5 | 9-9,5 | 170 |
| 2016-2020 | 6,5 | 7-8 | 8-8,5 | 8-8,5 | 240 |

*Nguồn : Viện nghiên cứu chiến lược chính sách công nghiệp*

Nhu cầu thép vào năm 2010 là 10 triệu tấn; năm 2015 là 16 triệu tấn và năm 2020 là 20 triệu tấn. Trong đó sản xuất trong nước theo mốc năm tương ứng chỉ đạt 51%; 61%; 62% và 70% vào năm 2020. (Nguồn: Viện nghiên cứu chiến lược chính sách công nghiệp).

Qua đó có thể thấy triển vọng phát triển ngành thép là rất lớn và hoàn toàn phù hợp với sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước mà Đảng và Chính phủ Việt Nam đã đặt ra

### 8.3. Định hướng phát triển của Công ty

**Sản xuất, kinh doanh:**

- Ổn định nhà máy và sản xuất, phát triển các quan hệ với các đối tác sẵn có và mở rộng để phục vụ cho yêu cầu sản xuất kinh doanh.
- Mở rộng kênh huy động vốn để đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh.
- Chuyển dần hướng mua nguyên liệu từ ủy thác sang hoạt động nhập khẩu nguyên liệu thép HRC.

- Ổn định vững chắc thị phần đã có và từng bước mở rộng, phát triển, kể cả một số ngành nghề có quan hệ mật thiết với ngành thép.

**Tiếp thị:**

- Xây dựng thương hiệu TNFS là "nhà phân phối thép tấm lá cán nguội chuyên nghiệp" trong lĩnh vực phân phối sắt thép tại Việt Nam và đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.
- Năm 2010 sản lượng tiêu thụ thép sản phẩm tối thiểu là 70.000 tấn.
- Mở rộng hệ thống phân phối thông qua các hình thức tổ chức phù hợp nhằm đảm bảo sản lượng tiêu thụ trên cơ sở hiệu quả, vững chắc.
- Tốc độ tăng trưởng của năm sau so với năm trước tối thiểu là 10%.

**Chính sách chất lượng:**

- Thực hiện, duy trì và không ngừng cải tiến hệ thống quản lý chất lượng tuân thủ theo các chỉ tiêu của tiêu chuẩn ISO 9001. Phấn đấu năm 2010 được cấp chứng chỉ ISO 9001.
- Luôn hướng mọi nguồn lực tập trung cho việc thỏa mãn các yêu cầu hợp lý của khách hàng, của xã hội trong hiện tại và tương lai.
- Sự tồn tại và phát triển của Doanh nghiệp gắn liền với sự duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng, vì mục đích cuối cùng là phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn.

**Tài chính:**

- Duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định trong xu thế vận động và phát triển.
- Tăng vốn bằng phát hành cổ phiếu đồng thời đi vay ngân hàng để bổ sung vốn kinh doanh, nâng cao công suất sản xuất.

**Nhân lực:**

- TNFS mới thành lập nhưng cũng tự hào đã xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, kết hợp hài hoà giữa truyền thống tốt đẹp của doanh nghiệp đã được xây dựng và vun đắp theo thời gian, với chính sách thu hút và đãi ngộ tốt Công ty đã tuyển dụng được nhiều cán bộ chủ chốt và nhân viên giỏi, nhiều kinh nghiệm từ các doanh nghiệp sản xuất thép nổi tiếng ở trong nước.
- Luôn xem nguồn nhân lực là tài sản vô giá, là yếu tố then chốt đã mang lại thành công vượt bậc cho Công ty. TNFS luôn chú trọng đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực của mình. Công ty thường xuyên và liên tục gửi nhân viên tham gia các khoá đào tạo nghiệp vụ bên ngoài cũng như mời các chuyên gia đầu ngành đến Công ty đào tạo các lớp ngắn và dài hạn.
- Củng cố, tăng cường chất lượng bộ máy và nhân sự, nâng cao tính chuyên nghiệp kết hợp với việc phát triển văn hóa Doanh nghiệp.

– TNFS luôn cam kết và bảo đảm cung cấp các điều kiện cần thiết và tưởng thưởng xứng đáng để nhân viên phát huy tối đa năng lực của mình.

## 9. Chính sách đối với người lao động.

### 9.1. Số lượng người lao động trong Công ty.

Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm 30/06/2010 là 83 người, cơ cấu trình độ được thể hiện trong bảng sau:

| Stt | Phân loại lao động | Số người | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| **I.** | **Theo trình độ học vấn** | **83** | 100% |
| 1 | Trên đại học | 2 | 2.41% |
| 2 | Đại học | 31 | 37.35% |
| 3 | Cao đẳng | 2 | 2.41% |
| 4 | Trung cấp | 39 | 46.99% |
| 5 | Khác | 9 | 10.84% |
| **II.** | **Theo tính chất lao động** | **83** | **100%** |
| 1. | Thường xuyên | 83 | 100% |
| 2. | Thời vụ | 0 | 0% |
| | **Tổng cộng** | **83 người** | |

*Nguồn: TNFS*

### 9.2. Chính sách đối với người lao động.

❖ ***Chế độ làm việc***: Công ty tổ chức làm việc từ 8h00 đến 17h00 ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, nghỉ trưa 1h. Khi có yêu cầu công việc, người lao động có thể đăng ký làm thêm giờ nhưng không quá 4h/ngày hoặc 200h/năm phù hợp với Bộ luật lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Công ty cam kết tạo việc làm cho người lao động thông qua việc định hướng phát triển Doanh nghiệp, mở rộng thị phần của Công ty. Công ty tổ chức nguồn nhân lực một cách tối ưu nhất và cam kết luôn tạo điều kiện để cho nhân viên phát triển và thăng tiến trong nghề nghiệp.

❖ ***Nghỉ phép, lễ, tết***: Nhân viên được nghỉ lễ và tết 09 ngày theo quy định của Bộ luật lao động và được hưởng nguyên lương. Những nhân viên làm việc từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép theo chế độ mỗi năm, nếu nhân viên do điều kiện làm việc không nghỉ hết

phép năm thì cuối năm Công ty sẽ thanh toán lại những ngày phép chưa nghỉ hết bằng tiền mặt.

- ***Điều kiện làm việc***: Văn phòng công ty thoáng mát, Công ty cấp đồng phục cho CBCNV, đầu tư các trang thiết bị hiện đại, trang bị đầy đủ các thiết bị an toàn lao động. Công ty cam kết xây dựng cho tất cả CBCNV môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện để CBCNV phát huy hết khả năng và sức sáng tạo của mình.
- ***Đảm bảo việc làm cho người lao động***: Để giải quyết việc làm cho gần 100 lao động, Ban giám đốc công ty sẽ tìm cách đa dạng hoá ngành nghề, tìm kiếm những khách hàng tiềm năng, những đối tác mới trong và ngoài nước, mở rộng thị trường kinh doanh.
- ***Chế độ lương***: Công ty thực hiện việc chi trả lương cho nhân viên dựa vào cấp công việc của nhân viên, năng lực, chức vụ, thang bảng lương và điều kiện kinh doanh của Công ty. Công ty thực hiện chế độ nâng lương cho CBCNV hàng năm và có sự quan tâm thường xuyên đến thu nhập, đời sống CBCNV.
- ***Chế độ thưởng***: Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng thiết thực, phúc lợi đảm bảo đầy đủ. Chính sách khen thưởng hàng quý, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc. Thực hiện khen thưởng xứng đáng, kịp thời để khuyến khích động viên và phát huy tinh thần sáng kiến cải tiến, nâng cao hiệu quả trong công việc, tiết giảm chi phí, tăng tính cạnh tranh. Thưởng đặc biệt đối với những nhân viên giỏi và có nhiều sáng kiến cải tiến công việc trong Công ty.
- ***Bảo hiểm và phúc lợi***: Công ty tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho tất cả CBCNV. Ngoài ra Công ty còn mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CBCNV của Công ty. Mỗi năm, Công ty kết hợp với Công đoàn tổ chức cho CBCNV tham quan nghỉ mát trong nước ít nhất 1 lần.
- ***Tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên***: Công đoàn và đoàn thanh niên công ty hoạt động khá hiệu quả tạo điều kiện cho CBCNV Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và sức khỏe. Thường xuyên tổ chức đi tham quan nhân các ngày lễ lớn trong năm. Khen thưởng cho con CBCNV trong Công ty có thành tích học tập tốt. Đoàn thanh niên là tổ chức đi đầu trong phong trào thi đua, là nơi phát triển của thanh niên tạo lực lượng quản lý kế thừa được đào tạo bài bản, vững chắc trong tương lai.

Công ty CP Thép tấm lá Thống Nhấtcam kết các chính sách đối với người lao động trong Công ty là nhất quán và luôn hướng tới người lao động để tạo một đội ngũ nguồn nhân lực được phát triển toàn diện, chuyên nghiệp và gắn bó lâu dài vì mục tiêu chung của Công ty.

❖ **Chính sách tạo nguồn nhân lực:**

**- Tuyển dụng**: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút nhân sự có năng lực vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng. Song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng yêu cầu cơ bản như: trình độ chuyên môn, tốt nghiệp đúng chuyên ngành, năng động, nhiệt tình, ham học hỏi, có ý thức sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, quản lý và trình độ ngoại ngữ, tin học…Ngoài lực lượng sẵn có tại đơn vị, Công ty cũng chú trọng bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng cao để ngày càng phát triển bộ máy nhân sự đáp ứng kịp thời đòi hỏi của quá trình cạnh tranh và phát triển.

**- Đào tạo:** Công ty luôn luôn coi trọng con người là tài sản qúy giá của doanh nghiệp và để phát huy hiệu quả nguồn vốn quý này, Công ty kết hợp chặt chẽ đến vấn đề đào tạo, phát triển nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khoá huấn luyện nội bộ và bên ngoài để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, học tập những kỹ năng mới cần thiết cho nhân viên để phát triển năng lực công tác nhằm đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại cũng như trong tương lai của Công ty. Công ty hỗ trợ 100% chi phí đào tạo cho cán bộ công nhân viên theo học các chương trình đào tạo do Công ty tổ chức.

## 10. Chính sách cổ tức.

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của HĐQT, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm tới.

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thép Tấm Lá Thống Nhất năm 2010 nhất trí thông qua việc tạm thời chưa chia cổ tức trong năm 2010.

## 11. Tình hình hoạt động tài chính

### 11.1. Các chỉ tiêu cơ bản.

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

***a. Trích khấu hao tài sản cố định.***

Tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Nhà cửa, vật kiến trúc : 06-25 năm
- Máy móc thiết bị: 07-10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn 06-10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 05-10 năm
- Quyền sử dụng đất 39 năm
- Phần mềm kế toán 03-08 năm

***b. Thu nhập bình quân người lao động.***

*Đơn vị: đồng*

| Khoản mục | Năm 2008 | Năm 2009 |
|---|---|---|
| Tổng chi phí lương và thưởng | 668.000.000 | **3.800.000.000** |
| Các khoản khác trả cho người lao động | **0** | **0** |
| **Tổng cộng** | 668.000.000 | **3.800.000.000** |
| **Thu nhập bình quân/người/tháng** | **6.185.185** | **4.337.900** |

Năm 2008 Tổng quỹ lương của Công ty thấp hơn năm 2009 nhưng Thu nhập bình quân/người/tháng lại cao hơn năm 2009, là do năm 2008 doanh nghiệp mới thành lập chỉ có cán bộ chủ chốt, số lượng nhân sự ít, sang năm 2009 số lượng nhân sự tăng lên đáng kể làm cho tổng quỹ lương tăng theo và làm giảm thu nhập bình quân đầu người.

***c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn.***

Tính đến ngày 31/12/2009 Công ty chỉ có một khoản vay nợ dài hạn để đầu tư xây dựng nhà máy và mua máy móc thiết bị, chưa phát sinh vay nợ ngắn hạn. Khoản vay này được ngân hàng cho ân hạn đến 31/12/2010 mới bắt đầu phải trả gốc lãi. Công ty đang thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn và không có nợ quá hạn.

***d. Các khoản phải nộp theo luật định.***

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước.

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2008 | 31/12/2009 | 30/09/2010 |
|---|---|---|---|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.475 | 614 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | - | - |
| **Tổng cộng** | **3.475** | **614** | **-** |

*(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý 3/2010 của TNFS cung cấp)*

*e. Trích lập các quỹ.*

***Cụng ty hiện chưa thực hiện việc trớch lập cỏc quỹ, do đú số dư cỏc quỹ đến thời điểm 31/12/2009 đều bằng 0.***

*f. Tổng dư nợ vay ngân hàng.*

Tại thời điểm 30/09/2010, tình hình nợ vay của Công ty như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chi tiêu | 31/12/2008 | | 31/12/2009 | | 30/09/2010 | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | %/tổng vay | Giá trị | %/tổng vay | Giá trị | %/tổng vay |
| Vay ngắn hạn | - | - | - | 0.0% | 19,401 | 6.25% |
| Vay dài hạn | - | - | 250.538 | 100.0% | 291,180 | 93.75% |
| **Tổng dư nợ vay** | **-** | **-** | **250.538** | **100.0%** | **310,581** | **100.0%** |

*(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý 3/2010 của TNFS cung cấp)*

Chi tiết khoản vay:

- Khoản vay dài hạn Công ty vay của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam với tổng giá trị tính đến ngày 30/09/2010 là 291.179.550.750 đồng để đầu tư xây dựng nhà máy và mua sắm máy móc thiết bị.
- Khoản vay ngắn hạn Công ty vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam với tổng giá trị tính đến ngày 30/09/2010 là 19.401.000.000 đồng để mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2010.

Công ty đang kiểm soát tốt các khoản vay và không có nợ quá hạn phát sinh.

*g. Tình hình công nợ hiện nay*

- ***Các khoản phải thu:***

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chi tiêu | 31/12/2008 | 31/12/2009 | 30/09/2010 |
|---|---|---|---|
| Phải thu khách hàng | - | - | 10.467 |
| Trả trước cho người bán | 37.005 | 28.952 | 17.745 |
| Các khoản phải thu khác | 2.523 | 4.303 | 3.714 |
| **Tổng các khoản phải thu** | **39.528** | **33.255** | **31.937** |
| **Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi** | **-** | **-** | **-** |

*(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý 3/2010)*

- ***Các khoản phải trả:***

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chi tiêu | 31/12/2008 | 31/12/2009 | 30/09/2010 |
|---|---|---|---|
| Phải trả người bán | - | 58.812 | 219.880 |
| Người mua trả tiền trước | - | - | - |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 3.476 | 389 | 390 |
| Phải trả người lao động | 46,7 | - | 274 |
| Chi phí phải trả | | 2.679 | 18.735 |
| Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | - | 207 | 67 |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | - | - | - |
| **Tổng cộng** | **3.523** | **62.087** | **239.346** |

*(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý 3/2010 của TNFS cung cấp)*

### 11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.

| Các chỉ tiêu | Đơn vị tính | 31/12/2008 | 31/12/2009 | 30/09/2010 |
|---|---|---|---|---|
| **1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán** | | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: *Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn* | Lần | 46.21 | 2.42 | 1.16 |
| + Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | Lần | 46.21 | 1.88 | 0.65 |
| **2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn** | | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | Lần | 0.02 | 0.62 | 0.74 |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | Lần | 0.02 | 1.66 | 2.78 |
| **3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động** | | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | Vòng | - | - | 1.74 |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản | % | - | - | 36.43 |
| **4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời** | | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | - | - | 0.13 |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | % | 5.56 | 1.26 | 0.18 |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | % | 5.44 | 0.48 | 0.05 |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần. | % | - | - | 0.07 |

*(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý 3/2010 của TNFS cung cấp)*

## 12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát.

### 12.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.

a) Chủ tịch HĐQT - Ông HUỲNH CÔNG DU

**Họ và tên : Huỳnh Công Du**
**Giới tính : Nam**
**Ngày sinh : 13/01/1966**
**Nơi sinh : Long An**
**Số CMND : 024245585 Ngày cấp: 13/4/2004 Nơi cấp: CA.TPHCM**
**Quốc tịch : Việt Nam**
**Dân tộc : Kinh**
**Địa chỉ thường trú : 53 Huỳnh Tịnh Của, F.8, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh**
**Số điện thoại liên lạc : 84-8-62914421**
**Trình độ văn hóa : 12/12**
**Trình độ chuyên môn : Kỹ sư**
**Quá trình công tác**

| Từ năm | Đến năm | Chức danh |
|---|---|---|
| 04/1991 | 05/1993 | Kỹ sư - Nhà máy thép Biên Hòa |
| 06/1993 | 12/1993 | Phó quản đốc - Nhà máy thép Biên Hòa |
| 01/1994 | 06/1998 | Quản đốc - Nhà máy thép Biên Hòa |
| 07/1998 | 03/2000 | Phó giám đốc - Nhà máy thép Biên Hòa |
| 04/2000 | 04/2001 | Phó phòng kỹ thuật – Tổng Công ty thép Việt Nam |
| 05/2002 | 05/2007 | Phó giám đốc kỹ thuật - Công ty thép tấm lá Phú Mỹ |

| | | |
|---|---|---|
| **05/2007** | **03/2009** | **Phó tổng giám đốc - Công ty cổ phần thép Essar Việt Nam** |
| **03/2009** | **Nay** | **Chủ tịch HĐQT & Tổng giám đốc - Công ty cổ phần thép tấm lá Thống Nhất** |

**Chức vụ công tác hiện nay : Chủ tịch HĐQT & Tổng giám đốc**
**tại Tổ chức phát hành**
**Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:**
**- Chủ tịch HĐQT Công Ty CP Thép Tấm Miền Nam**
**Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 30/6/2010 là: 4.410.041,7 cổ phần, chiếm 22,05% vốn điều lệ.**
**Trong đó:**
**Cá nhân : 35.405 cổ phần, chiếm 0,18 % vốn điều lệ**
**Đại diện : 4.374.636,7 cổ phần, chiếm 21,87% vốn điều lệ (Đại diện cho Tổng Công Ty Thép Việt Nam)**
**Số cổ phần của những người có liên quan:**
**Huỳnh Thị Lệ Nga – Vợ: 12.400 cổ phần chiếm 0,06 % vốn điều lệ**
**Hành vi vi phạm pháp luật: Không có**
**Những khoản nợ đối với Công ty: Không có**
**Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có**
**Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có**

b) Thành viên HĐQT – Ông Nguyễn Minh Xuân

**Họ và tên : Nguyễn Minh Xuân**
**Giới tính : Nam**
**Ngày sinh : 06/04/1958**
**Nơi sinh : Bình Định**
**Số CMND : 200186914 Ngày cấp: 15/7/1997 Nơi cấp: CA TP Đà Nẵng**
**Quốc tịch : Việt Nam**
**Dân tộc : Kinh**
**Địa chỉ thường trú : 74 Vũ Huy Tấn, P.3, Q.Bình Thạnh, TP.HCM**
**Số điện thoại liên lạc : 84-8-3822 7178**
**Trình độ văn hóa : 12/12**
**Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ ngành Quản trị kinh doanh**
**Cử nhân kinh tế ngành kế hoạch hoá**
**Cử nhân kinh tế ngoại thương**

**Quá trình công tác**

| **Từ năm** | **Đến năm** | **Chức danh** |
|---|---|---|
| **1981** | **1985** | **Công tác tại LH cung ứng vật tư khu vực V (Miền Trung)** |
| **1985** | **1990** | **Công tác tại Công ty vật tư thứ liệu Đà Nẵng** |
| **1990** | **1994** | **Phó Giám đốc & Giám đốc Công ty vật tư thứ liệu Đà Nẵng** |
| **1995** | **1996** | **Phó Giám đốc Công ty kim khí & vật tư tổng hợp Miền Trung** |
| **1997** | **2003** | **Giám đốc Công ty vật tư thiết bị Công nghiệp, năm 1999 đổi tên thành Công ty kinh doanh thép & TB công nghiệp** |
| **2004** | **2005** | **Giám đốc Công ty Kim Khí TP.HCM** |
| **2006** | **Nay** | **Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Kim Khí TP.HCM** |

**Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên HĐQT**
**tại Tổ chức phát hành**
**Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:**
**- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Kim Khí TP.HCM**

**Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 30/6/2010 là: 1.426.900 cổ phần, chiếm 7,13.% vốn điều lệ.**
**Trong đó:**
**Cá nhân : 26.900 cổ phần, chiếm 0,13% vốn điều lệ**
**Đại diện : 1.400.000 cổ phần, chiếm 7% vốn điều lệ (Đại diện cho Công ty CP Kim Khí TP.HCM)**
**Số cổ phần của những người có liên quan:**
**Ngô Thị Đông – Vợ: 4.800 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ**
**Hành vi vi phạm pháp luật: Không có**
**Những khoản nợ đối với Công ty: Không có**
**Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có**
**Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có**

c) Thành viên HĐQT – Ông Nguyễn Ngọc Anh

**Họ và tên : Nguyễn Ngọc Anh**
**Giới tính : Nam**
**Ngày sinh : 24/05/1957**
**Nơi sinh : Tp. Hồ Chí Minh**
**Số CMND : 022266388 Ngày cấp: 3/4/2003 Nơi cấp: CA.TPHCM**
**Quốc tịch : Việt Nam**
**Dân tộc : Kinh**
**Địa chỉ thường trú : 492 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P25, Q. Bình Thạnh, TPHCM**
**Số điện thoại liên lạc : 84-8 38.992.299**
**Trình độ văn hóa : 12/12**
**Trình độ chuyên môn : Đại học chuyên ngành Tài chính**
**Quá trình công tác**

| Từ năm | Đến năm | Chức danh |
|---|---|---|
| 1975 | 1984 | Nhân viên Phòng công nghiệp/UBND Quận Bình Thạnh |
| 1984 | 1988 | Kế toán trưởng - Phòng công nghiệp - Liên hiệp xã/Quận Bình Thạnh |
| 1988 | 1996 | Cửa hàng trưởng - Cửa hàng VLXD trực thuộc Công ty Xây lắp Thương Mại 2 (Bộ Thương Mại) |
| 1996 | 2004 | Giám đốc Xí Nghiệp SXKD Vật Liệu Xây Dựng số 1 trực thuộc Công ty Xây lắp Thương Mại 2 (Bộ Thương Mại) |
| 2003 | 2004 | Phó Giám đốc Công ty Xây lắp Thương mại 2 – Bộ Thương mại |
| 2004 | 2006 | Chủ tịch HĐQT/Giám đốc Công ty CP Đầu Tư – Thương Mại SMC |
| 2007 | Nay | Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu Tư – Thương Mại SMC |

**Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên HĐQT**
**tại Tổ chức phát hành**
**Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:**
**- Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu Tư – Thương Mại SMC**
**Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 30/6/2010 là: 1.400.000 cổ phần, chiếm 7% vốn điều lệ.**
**Trong đó:**
**Cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ**
**Đại diện : 1.400.000 cổ phần, chiếm 7% vốn điều lệ (Đại diện cho Công ty CP Đầu Tư – Thương Mại SMC)**

**Số cổ phần của những người có liên quan: Không có**
**Hành vi vi phạm pháp luật: Không có**
**Những khoản nợ đối với Công ty: Không có**
**Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có**
**Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có**

d) Thành viên HĐQT – Ông Hồ Quang Thiệp

| | | |
|---|---|---|
| **Họ và tên** | **:** | **Hồ Quang Thiệp** |
| **Giới tính** | **:** | **Nam** |
| **Ngày sinh** | **:** | **6/3/1956** |
| **Nơi sinh** | **:** | **Quảng Nam** |
| **Số CMND** | **:** | **020140429 Ngày cấp: 28/2/2002 Nơi cấp: CA TP.HCM** |
| **Quốc tịch** | **:** | **Việt Nam** |
| **Dân tộc** | **:** | **Kinh** |
| **Địa chỉ thường trú** | **:** | **766, Âu Cơ, Phường 14, Q. Tân Bình, Tp.HCM** |
| **Số điện thoại liên lạc** | **:** | **0903.909556** |
| **Trình độ văn hóa** | **:** | **12/12** |
| **Trình độ chuyên môn** | **:** | **Kỹ sư cơ khí** |

**Quá trình công tác**

| **Từ năm** | **Đến năm** | **Chức danh** |
|---|---|---|
| **1978** | **1993** | **Cán bộ, Phó Giám Đốc Nhà máy Lưới Thép Bình Tây** |
| **1993** | **2001** | **Giám đốc Công ty LD. Posvina** |
| **2001** | **2007** | **Giám đốc Công ty LD. Nippovina** |
| **2007** | **2009** | **Tổng Giám đốc Công ty LD. GCDV Thép Sài Gòn** |
| **2010** | **Nay** | **Phó Tổng Giám đốc Công ty Tôn Phương Nam** |

**Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên HĐQT**
**tại Tổ chức phát hành**
**Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:**
**- Phó Tổng Giám đốc Công ty Tôn Phương Nam**

**Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 30/6/2010 là: 1.003.720 cổ phần, chiếm 5,02% vốn điều lệ.**
**Trong đó:**

| | | |
|---|---|---|
| **Cá nhân** | **:** | **3.720 cổ phần, chiếm 0,02 % vốn điều lệ** |
| **Đại diện** | **:** | **1.000.000 cổ phần, chiếm 5 % vốn điều lệ (Đại diện cho Công Ty Tôn Phương Nam)** |

**Số cổ phần của những người có liên quan: Không có**
**Hành vi vi phạm pháp luật: Không có**
**Những khoản nợ đối với Công ty: Không có**
**Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có**
**Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có**

e) Thành viên HĐQT – Ông Phan Văn Hoà

| | | |
|---|---|---|
| **Họ và tên** | **:** | **Phan Văn Hoà** |
| **Giới tính** | **:** | **Nam** |
| **Ngày sinh** | **:** | **5/5/1956** |
| **Nơi sinh** | **:** | **Hà nội** |
| **Số CMND** | **:** | **020217903 Ngày cấp: 26/2/2004 Nơi cấp: CA Tp HCM** |
| **Quốc tịch** | **:** | **Việt Nam** |

**Dân tộc : Kinh**
**Địa chỉ thường trú : 315/19A Lê Văn Sỹ P13.Q3 .Tp HCM**
**Số điện thoại liên lạc : 0908 338338**
**Trình độ văn hóa : 10/10**
**Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản Trị Kinh Doanh**
**Quá trình công tác**

| Từ năm | Đến năm | Chức danh |
|---|---|---|
| 11/1977 | 2000 | Phó quản đốc PX cơ điện n/m Thép Nhà Bè |
| 2000 | 2005 | Bí thư Đảng uỷ- Chủ tịch Công đoàn Công ty Thép Nhà Bè |
| 2005 | 2007 | Phó Chủ tịch Công đoàn Công ty Thép Miền Nam |
| 2007 | đến nay | Trưởng Đại diện Công đoàn Tông Công Ty Thép Việt Nam |

**Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên HĐQT**
**tại Tổ chức phát hành**
**Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:**
**- Uỷ viên BCH Đảng bộ TCTy Thép VN**
**- Uỷ viên HĐQT Công ty Cổ phần bóng đá TMN-CSG**

**Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 30/6/2010 là: 15.000 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ.**
**Trong đó:**
**Cá nhân : 15.000 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ**
**Đại diện : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ**
**Số cổ phần của những người có liên quan: Không có**
**Hành vi vi phạm pháp luật: Không có**
**Những khoản nợ đối với Công ty: Không có**
**Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có**
**Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có**

f) Thành viên HĐQT – Ông Trần Quang

**Họ và tên : Trần Quang**
**Giới tính : Nam**
**Ngày sinh : 25/3/1975**
**Nơi sinh : Hà Nội**
**Số CMND : 022871602 Ngày cấp: 5/9/2001 Nơi cấp: CA. TP.HCM**
**Quốc tịch : Việt Nam**
**Dân tộc : Kinh**
**Địa chỉ thường trú : 1017/91 Lạc Long Quân, F11, Q. Tân Bình, TP.HCM**
**Số điện thoại liên lạc : 84-8-3827.4301**
**Trình độ văn hóa : 12/12**
**Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế**
**Quá trình công tác**

| Từ năm | Đến năm | Chức danh |
|---|---|---|
| 2000 | 2001 | Phòng Kế Hoạch Vật Tư - Công ty Thép Vinakyoei |
| 2002 | 2005 | Trưởng Phòng Tổng Hợp – Ban Quản Lý Dự Án Nhà Máy Thép Tấm Lá Phú Mỹ |
| 2006 | 2008 | Trưởng Phòng Kinh Doanh – Công Ty Thép Tấm Lá Phú Mỹ |
| 2009 | Nay | Phó Giám Đốc – Công Ty Thép Tấm Lá Phú Mỹ |

**Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên HĐQT**
**tại Tổ chức phát hành**

**Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:**
**- Phó Giám Đốc Công Ty Thép Tấm Lá Phú Mỹ**

**Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 30/6/2010 là: 1.910.249,3 cổ phần, chiếm 9,55% vốn điều lệ.**
**Trong đó:**
**Cá nhân : 35.405 cổ phần, chiếm 0,18% vốn điều lệ**
**Đại diện : 1.874.844,3 cổ phần, chiếm 9,37% vốn điều lệ (Đại diện cho Tổng Công Ty Thép Việt Nam)**
**Số cổ phần của những người có liên quan: Không có**
**Hành vi vi phạm pháp luật: Không có**
**Những khoản nợ đối với Công ty: Không có**
**Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có**
**Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có**

g) Thành viên HĐQT – Ông Trần Ngọc Tuấn

**Họ và tên : Trần Ngọc Tuấn**
**Giới tính : Nam**
**Ngày sinh : 1/10/1968**
**Nơi sinh : Quảng Ngãi**
**Số CMND : 025079148 Ngày cấp: 2/3/2009 Nơi cấp: CA.TPHCM**
**Quốc tịch : Việt Nam**
**Dân tộc : Kinh**
**Địa chỉ thường trú : 68A1 Trần Bình Trọng, P. 5, Q. Bình Thạnh, TPHCM**
**Số điện thoại liên lạc : 0903.722556**
**Trình độ văn hóa : 12/12**
**Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế**
**Quá trình công tác**

| Từ năm | Đến năm | Chức danh |
|---|---|---|
| 1992 | 1996 | Công tác tại Trung tâm Tư vấn Kinh tế Thanh Niên |
| 1997 | Nay | Công ty Thép Vinakyoei |

**Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức phát hành : Thành viên HĐQT**
**Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:**
**- Tổng quản kinh doanh - Công ty Thép Vinakyoei**

**Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 30/6/2010 là: 1.260.000 cổ phần, chiếm 6,3% vốn điều lệ.**
**Trong đó:**
**Cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ**
**Đại diện : 1.260.000 cổ phần, chiếm 6,3% vốn điều lệ (Đại diện cho Công Ty TNHH TM Thép Mười Đây)**
**Số cổ phần của những người có liên quan: Không có**
**Hành vi vi phạm pháp luật: Không có**
**Những khoản nợ đối với Công ty: Không có**
**Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có**
**Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có**

**12.2. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát:**

a) Trưởng Ban Kiểm Soát – Ông Nguyễn Thanh Phong

**Họ và tên : Nguyễn Thanh Phong**
**Giới tính : Nam**
**Ngày sinh : 8/11/1960**
**Nơi sinh : Long An**
**Số CMND : 020062430 Ngày cấp: 6/8/2008 Nơi cấp: CA.TPHCM**
**Quốc tịch : Việt Nam**
**Dân tộc : Kinh**
**Địa chỉ thường trú : 79/H2 Âu Cơ, Phường 14, Quận 11, Tp.HCM**
**Số điện thoại liên lạc : 0903.803964**
**Trình độ văn hóa : 12/12**
**Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế**
**Quá trình công tác**

| Từ năm | Đến năm | Chức danh |
|---|---|---|
| 1980 | 1986 | Công tác tại Phòng kế toán - Nhà máy Thép Biên Hòa |
| 1986 | 1997 | Trưởng phòng kế toán - Nhà máy Thép Biên Hòa |
| 1997 | 2007 | Phó Trưởng phòng Tài chính – Công ty Thép Miền Nam |
| 2007 | Nay | Phó Trưởng phòng Tài chính – Tổng Công ty Thép Việt Nam |

**Chức vụ công tác hiện nay : Trưởng Ban Kiểm Soát**
**tại Tổ chức phát hành**
**Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:**
**- Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Miền Nam**
**- Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty CP Tân Thành Mỹ**

**Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 30/6/2010 là: 15.000 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ.**
**Trong đó:**
**Cá nhân : 15.000 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ**
**Đại diện : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ**
**Số cổ phần của những người có liên quan: Không có**
**Hành vi vi phạm pháp luật: Không có**
**Những khoản nợ đối với Công ty: Không có**
**Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có**
**Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có**

b) Thành viên Ban Kiểm Soát – Bà Nguyễn Trần Bảo Ngọc

**Họ và tên : Nguyễn Trần Bảo Ngọc**
**Giới tính : Nữ**
**Ngày sinh : 12/2/1978**
**Nơi sinh : Quảng Nam**
**Số CMND : 205529943 Ngày cấp: 12/2/2008 Nơi cấp: Quảng Nam**
**Quốc tịch : Việt Nam**
**Dân tộc : Kinh**
**Địa chỉ thường trú : 67/29 Trần Hưng Đạo, Hội An, Quảng Nam**
**Số điện thoại liên lạc : 0918.211868**
**Trình độ văn hóa : 12/12**
**Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế (Kế toán - kiểm toán)**

**Quá trình công tác**

| Từ năm | Đến năm | Chức danh |
|---|---|---|
| 2001 | Nay | Công tác tại Công ty CP Kim Khí TP.HCM |

**Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên Ban Kiểm Soát**
**tại Tổ chức phát hành**
**Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:**
**- Chuyên viên phòng TCKT - Công ty CP Kim Khí TP.HCM**

**Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 30/6/2010 là: 7.000 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ.**
**Trong đó:**
**Cá nhân : 7.000 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ**
**Đại diện : 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ**
**Số cổ phần của những người có liên quan: Không có**
**Hành vi vi phạm pháp luật: Không có**
**Những khoản nợ đối với Công ty: Không có**
**Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có**
**Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có**

c) Thành viên Ban Kiểm Soát – Bà Phạm Thị Thanh Huyền

**Họ và tên : Phạm Thị Thanh Huyền**
**Giới tính : Nữ**
**Ngày sinh : 1/4/1977**
**Nơi sinh : Thái Nguyên**
**Số CMND : 024631967 Ngày cấp: 5/10/2006 Nơi cấp: CA.TPHCM**
**Quốc tịch : Việt Nam**
**Dân tộc : Kinh**
**Địa chỉ thường trú : 299 G21, Đường A2.3, Khu dân cư Sông Giồng, P. An Phú, Q2, Tp.HCM**
**Số điện thoại liên lạc : 0983.063372**
**Trình độ văn hóa : 12/12**
**Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế**
**Quá trình công tác**

| Từ năm | Đến năm | Chức danh |
|---|---|---|
| 1999 | 2002 | Kế toán tổng hợp Công ty LD SX Thép Vinausteel |
| 2003 | 2005 | Kế toán tổng hợp Ban QLDA NM Thép cán nguội Phú Mỹ |
| 2005 | Nay | Phó Phòng Kế Toán – Tài Chính Công ty Thép tấm lá Phú Mỹ |

**Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên Ban Kiểm Soát**
**tại Tổ chức phát hành**
**Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:**
**- Phó Phòng Kế Toán – Tài Chính Công ty Thép tấm lá Phú Mỹ**

**Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 30/6/2010 là: 10.622 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ.**
**Trong đó:**
**Cá nhân : 5.622 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ**
**Đại diện : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ**
**Số cổ phần của những người có liên quan: Không có**
**Hành vi vi phạm pháp luật: Không có**
**Những khoản nợ đối với Công ty: Không có**
**Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có**
**Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có**

### 12.3. Danh sách thành viên Ban Giám đốc, Kế toán trưởng.

a) Tổng Giám đốc - Ông Huỳnh Công Du

- Lý lịch trình bày tại phần a) của Hội đồng quản trị.

b) Phó Tổng Giám Đốc – Ông Nguyễn Văn Đại

**Họ và tên : Nguyễn Văn Đại**
**Giới tính : Nam**
**Ngày sinh : 24/04/1972**
**Nơi sinh : Đà Nẵng**
**Số CMND : 024428237 Ngày cấp: 19/07/2005 Nơi cấp: CA Tp HCM**
**Quốc tịch : Việt Nam**
**Dân tộc : Kinh**
**Địa chỉ thường trú : 529/30B đường Thống Nhất, F.16, Gò Vấp, Tp.HCM**
**Số điện thoại liên lạc : 84-64-3923636**
**Trình độ văn hóa : 12/12**
**Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí**
**Quá trình công tác**

| Từ năm | Đến năm | Chức danh |
|---|---|---|
| 2000 | 2002 | Trưởng ca sản xuất - Công ty TNHH Nam Hà Việt |
| 2002 | 2003 | Kỹ sư cơ khí - BQL Dự án nhà máy thép Phú Mỹ |
| 2003 | 2004 | Kỹ sư cơ khí - Công ty thép Miền Nam |
| 2004 | 2007 | Quản đốc - Công ty thép Nhà Bè |
| 2007 | Nay | Phó tổng giám đốc - Công ty cổ phần thép tấm lá Thống Nhất |

**Chức vụ công tác hiện nay : Phó tổng giám đốc**
**tại Tổ chức phát hành**
**Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:**
**- Không có**
**Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 30/6/2010 là: 10.000 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ.**
**Trong đó:**
**Cá nhân : 10.000 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ**
**Đại diện : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ**
**Số cổ phần của những người có liên quan:**
**Nguyễn Lê Hoàng Thụy Tố Quyên – Vợ: 35.405 cổ phần chiếm 0,18 % vốn điều lệ**
**Hành vi vi phạm pháp luật: Không có**
**Những khoản nợ đối với Công ty: Không có**
**Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có**
**Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có**

c) Kế Toán Trưởng – Ông Lê Sơn Nam

**Họ và tên : Lê Sơn Nam**
**Giới tính : Nam**
**Ngày sinh : 30/04/1975**
**Nơi sinh : Thanh Hóa**
**Số CMND : 025005557 Ngày cấp: 13/11/2008 Nơi cấp: CA Tp HCM**
**Quốc tịch : Việt Nam**
**Dân tộc : Kinh**
**Địa chỉ thường trú : 860/57k Huỳnh Tấn Phát, KP3, P.Tân Phú Q.7, TP.HCM**

**Số điện thoại liên lạc : 84-8-62914421**
**Trình độ văn hóa : 12/12**
**Trình độ chuyên môn : Cử nhân**
**Quá trình công tác**

| Từ năm | Đến năm | Chức danh |
|---|---|---|
| 2002 | 2009 | Nhân viên kế toán - Công ty thép Nhà Bè |
| 2009 | Nay | Kế toán trưởng - Công ty cổ phần thép tấm lá Thống Nhất |

**Chức vụ công tác hiện nay : Kế toán trưởng**
**tại Tổ chức phát hành**
**Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:**
**- Không có**
**Số cổ phần hiện đang nắm giữ tại thời điểm 30/6/2010 là: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ. Trong đó:**
**Cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ**
**Đại diện : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ**
**Số cổ phần của những người có liên quan: Không có**
**Hành vi vi phạm pháp luật: Không có**
**Những khoản nợ đối với Công ty: Không có**
**Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có**
**Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có**

## 13. Tài sản.

Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2009 và 30/09/2010.

*Đơn vị tính: đồng*

| Stt | Chỉ tiêu | 31/12/2009 | | | 30/09/2010 (*) | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Tỷ lệ còn lại | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Tỷ lệ còn lại |
| **I** | **Tài sản cố định hữu hình** | **1.864.884.836** | **1.624.864.543** | **87.13%** | **2.126.675.109** | **1.742.763.976** | **81.95%** |
| 1 | Nhà cửa, vật kiến trúc | 0 | 0 | | 0 | 0 | |
| 2 | Máy móc thiết bị | 0 | 0 | | 0 | 0 | |
| 3 | Phương tiện vận tải truyền dẫn | 1.591.760.941 | 1.392.790.825 | 87.50% | 1.591.760.941 | 1,290,181,441 | 81.05% |
| 4 | Thiết bị, dụng cụ quản lý | 273.123.895 | 232.073.718 | 84.97% | 534,914.168 | 452.582.535 | 84.61% |
| **II** | **Tài sản cố định vô hình** | **0** | **0** | | **0** | **0** | |
| 1 | Phần mềm vi tính | 0 | 0 | | 0 | 0 | |
| | **Tổng cộng** | **1.864.884.836** | **1.624.864.543** | **87.13%** | **2.126.675.109** | **1.742.763.976** | **81.95%** |

*(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý 3/2010 của TNFS cung cấp)*

Năm 2008 và 2009 Công ty vẫn đang trong quá trình xây dựng nhà máy, dự kiến năm 2010 mới xây dựng xong, cho nên giá trị tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị chưa được hạch toán, phần giá trị này được thể hiện trong chi phí xây dựng dở dang, chi tiết như sau:

**CHI TIẾT CHI PHÍ XÂY DỰNG DỞ DANG**

*Đơn vị: đồng*

| Stt | Công trình | Số dư tại 31/12/2009 | Số dư tại 30/09/2010 (*) |
|---|---|---|---|
| 1 | + Dây chuyền cán thép | 293.946.517.549 | 293.946.517.549 |
| 2 | + Gói kết cấu nhà xưởng | 15.888.000.000 | 33,484,010,128 |
| | + Thiết bị cẩu trục | 11.998.139.135 | 11.998.139.135 |
| | + Bể dầu (Kim Long) | 1.923.900.000 | 1.923.900.000 |
| | + Lắp đặt máy cán nguội | 4.603.784.546 | 13.448.975.456 |
| | + Phí bảo hiểm xây dựng và lắp đặt | 893.480.083 | 893.480.083 |
| | + Bảo hiểm nhập máy móc thiết bị | 543.443.669 | 543.443.669 |
| | + Xe nâng dầu 3 tấn | 479.050.000 | 479.050.000 |
| | + Lãi vay | 5.131.221.012 | 18.826.751.924 |
| | + Khác | 10.232.437.544 | 26.790.334.536 |
| | **Tổng cộng** | **345.639.973.538** | **440,714,421,007** |

*(Nguồn: BCTC kiểm toán 2009, BCTC Quý 3/2010 của TNFS)*

Sau khi quá trình xây dựng hoàn tất và đi vào nghiệm thu, phần giá trị này sẽ được hạch toán vào giá trị tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị.

## 14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010 - 2012.

### 14.1 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty :

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2010 | Năm 2011 | Năm 2012 |
|---|---|---|---|---|
| Vốn điều lệ | Triệu đồng | 260.000 | 300.000 | 300.000 |
| Doanh thu thuần | Triệu đồng | 1.115.466 | 2.655.871 | 3.124.554 |
| Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 99.971 | 270.370 | 332.759 |
| Lợi nhuận sau thuế | Triệu đồng | 99.971 | 270.370 | 332.759 |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 8,96 | 10,18 | 10,65 |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ | % | 38,45 | 90,12 | 110,92 |
| Cổ tức chi trả/Vốn điều lệ | % | 0% | 20% | 25% |

*Nguồn: TNFS*

Những chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trên được xây dựng căn cứ vào định hướng chiến lược đã được Công ty vạch ra với điều kiện thị trường đang tạo cơ hội thuận lợi cho Công ty hoạt động kinh doanh như hiện nay và Công ty phát hành thành công cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tổng giá trị mệnh giá 60 tỷ đồng. Các kế hoạch phát triển như: mua thêm máy móc thiết bị để nâng cao năng suất lao động và nâng cao giá trị của sản phẩm, phát triển hệ thống phân phối, đẩy mạnh sản xuất .v.v... khi thực hiện hoàn tất sẽ đưa Công ty đi vào giai đoạn tăng trưởng.

**14.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch trên:**

Kế hoạch trên được xây dựng dựa trên công suất dự kiến cho từng năm từ 2010-2012 cụ thể như sau: 30%, 70%, 80% của công suất thiết kế 200.000 tấn/năm. Đây là mức công suất tăng dần nhằm tối ưu hóa quá trình vận hành máy đã được các chuyên gia thiết kế máy của Tập đoàn Tenova tính toán. Do đó khả năng sản xuất để đạt mức sản lượng trên là nằm trong tầm tay của Công ty. Vấn đề đạt được kế hoạch trên chủ yếu tập trung vào khâu mua nguyên liệu đầu vào để kiểm soát giá vốn hàng bán và khâu kinh doanh để tiêu thụ sản lượng nói trên với mức giá hợp lý để đảm bảo lợi nhuận đề ra. Điều này đòi hỏi sự nỗ lực của bộ phận kinh doanh.

Căn cứ trên tình hình và năng lực kinh doanh của mình, Công ty nhận định có thể thực hiện được mục tiêu doanh thu và lợi nhuận dựa trên các yếu tố sau:

- Tình hình thị trường thép thế giới tăng trưởng rất tốt trong năm 2010, theo nhận định của tập đoàn thép Posco, tập đoàn lớn nhất Hàn Quốc và xếp thứ tư thế giới, thì tăng trưởng của thị trường thép thế giới năm 2010 có thể đạt 16% dựa trên dấu hiệu hồi phục của nền kinh tế Mỹ nói riêng và kinh tế toàn cầu nói chung. Các công ty thép tại Châu Á đang gia tăng sản lượng, đặc biệt là Trung Quốc và Nhật Bản. Nguồn cung cấp nguyên liệu chính cho công ty là từ 2 nước trên nên có thể yên tâm về sản lượng nguyên liệu đầu vào. Ngoài ra với sự hỗ trợ của các cổ đông chính là các công ty đứng đầu ngành thép, đặc biệt trong lĩnh vực thương mại như: Tổng Công Ty Thép Việt Nam, Công ty Cổ phần Kim Khí TP. HCM, Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại SMC, Công ty TNHH Thương Mại Thép Mười Đây... nên công ty có thể chủ động nguồn hàng, dự đoán được tình hình biến động của thị trường để kịp thời lên kế hoạch mua hàng hiệu quả, đảm bảo lượng nguyên liệu cần cho sản xuất và mức giá đầu vào thấp nhằm tối ưu hóa giá vốn.

- Với nhu cầu tiêu thụ tăng 1 triệu tấn/năm, dự kiến ngành thép Việt Nam sẽ phát triển với tốc độ bình quân 10% năm trong vòng năm năm tới, đặc biệt đối với khu vực sản xuất thép tấm lá vốn lệ thuộc hơn 90% sản lượng vào xuất khẩu. Sản phẩm của công ty có ưu thế về chất lượng sản phẩm cao, thời gian giao hàng nhanh, không phải thanh toán bằng ngoại tệ vốn biến động bất thường trong thời gian qua và không tốn chi phí xuất nhập khẩu dẫn đến mức giá khá cạnh tranh so với hàng nhập khẩu. Với các lợi thế trên, sản phẩm của công ty đã được thị trường chấp nhận rộng rãi, đặc biệt là các nhà sản xuất tôn mạ hàng đầu hiện nay như Tôn Phương Nam, Tôn Đông Á, Thép Trung Nguyên, Tôn Việt Pháp, Posvina … cũng là đối tượng khách hàng chính của công ty.

- Công ty có hệ thống phân phối quen thuộc là các khách hàng thân thiết của Công ty trên địa bàn TP.HCM và các tỉnh phía năm. Khi nhà máy đi vào ổn định công suất sản xuất công ty sẽ tiếp tục mở rộng kênh phân phối trên toàn đất nước.

- Đội ngũ cán bộ sản xuất kinh doanh của công ty tập hợp được những nhân sự chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm, quy tụ từ các nhà máy thép cán nguội lớn, được đào tạo tại Mỹ, Thụy Điển... hoạt động theo tinh thần Teamwork cũng là một trong những điều kiện tiên quyết để công ty tin tưởng vào việc hoàn thành kế hoạch đề ra.

**15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.**

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích, đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất. Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi và với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh còn nhiều mới mẻ thì Công ty đưa ra kế hoạch chi trả cổ tức như trên là phù hợp với tình hình hiện tại của Công ty và đảm bảo thực hiện được theo kế hoạch đề ra. Chúng tôi cũng cho rằng, tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức như kế hoạch của Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất đề ra là hợp lý, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

**16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành.**

Công ty đã thực hiện việc huy động vốn 200 tỷ đồng để thành lập Công ty khi chưa đáp ứng đủ điều kiên. Hội đồng quản trị Công ty cam kết sẽ báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất vào năm 2011 về các sai phạm trong quá trình thực hiện tăng vốn của Công ty, cam kết tự chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các sai phạm cũng như đối với các khiếu nại, khiếu kiện liên quan đến đợt phát hành tăng vốn sai quy định nêu trên

**17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán phát hành.**

Không có.

# V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN RA CÔNG CHÚNG.

1. **Loại cổ phiếu chào bán:** cổ phiếu phổ thông.
2. **Mã chứng khoán:** TNFS
3. **Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu
4. **Tổng số cổ phần dự kiến chào bán:** 6.000.000 cổ phần
5. **Phương thức, giá chào bán:**

**Giá chào bán** : 10.000 (Mười ngàn) đồng/cổ phần

**Phương thức phát hành** : *Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:3.*

Theo đó mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tại thời điểm chốt danh sách cổ đông sẽ được hưởng 01 quyền mua và cứ 10 quyền mua sẽ được mua 03 cổ phần phát hành thêm. Số cổ phần được mua sẽ làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống và phải đảm bảo số lượng phát hành không vượt quá tổng lượng được UBCK NN cấp giấy phép phát hành.

*Cổ phiếu hiện đang bị hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.*

*Xử lý số cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết:*

Số cổ phiếu lẻ phát sinh và số cổ phiếu không được cổ đông mua hết theo phương thức thực hiện quyền mua (nếu có), Hội đồng quản trị lập phương án phân phối theo ủy quyền của ĐHĐCĐ trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của cổ đông và phù hợp với điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật; với giá bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu.

*Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 153 cổ phần, theo tỷ lệ thực hiện quyền là 10:3, khi đó số lượng cổ phiếu mà cổ đông A được quyền mua thêm là: (153/10)x3 = 45,9 cổ phần. Theo quy định về việc xử lý cổ phiếu lẻ thì ông A sẽ được mua thêm 45 cổ phần.*

Trường hợp sau khi đã thực hiện xử lý như trên nhưng vẫn chưa bán hết thì Hội đồng quản trị sẽ quyết định hủy số cổ phần thừa này, giảm quy mô tăng vốn so với kế hoạch tăng vốn ban đầu đã định.

**Hạn chế chuyển nhượng** : - Quyền mua cổ phiếu của cổ đông được phép chuyển nhượng 1 lần, thời gian thực hiện trong vòng 10 ngày kể từ ngày ra thông báo nộp tiền mua cổ phiếu.

- Cổ phiếu thực tế bán được trong đợt phát hành lần này được tự do chuyển nhượng.

**Trình tự phát hành** : Sau khi có giấy phép của UBCKNN, việc phát hành sẽ được thực hiện theo đúng trình tự được nêu trong Bản cáo bạch chào bán và tuân thủ đúng Điều lệ công ty, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

**Thời gian phân phối** : Thời gian phân phối dự kiến sẽ được xác định ngay sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán, trong thời gian quy định của Pháp luật.

## 6. Bảo lãnh phát hành

- Không có

## 7. Phương pháp tính giá

**Tính theo phương pháp giá trị sổ sách**

Giá trị một cổ phần được tính theo phương pháp giá trị sổ sách.

$$\text{Giá trị sổ sách của một cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu – Quỹ khen thưởng , phúc lợi}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành}}$$

Giá trị sổ sách của một cổ phần của Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất tại thời điểm 31/12/2009 và thời điểm 30/09/2010 được tính như sau:

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | 31/12/2009 | 30/09/2010 |
|---|---|---|---|
| Nguồn vốn chủ sở hữu | Đồng | 188.643.364.969 | 197.566.029.487 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | Đồng | - | |
| Số cổ phiếu đang lưu hành | Cổ phiếu | 19,199,908 | 20,000,000 |
| **Giá trị sổ sách** | **Đồng/cổ phiếu** | **9,825** | **9,878** |

**Nguồn:** Báo cáo Kiểm toán năm 2009 và BCTC Quý 3/2010

**8. Kế hoạch phân phối cổ phần sau khi nhận được giấy phép từ UBCK NN.**

Giả sử ngày nhận giấy phép của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước là T

| STT | Công việc | Thời gian (ngày) |
|---|---|---|
| 1 | Công bố thông tin về đợt chào bán | T+1 |
| 2 | Công bố việc phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng | T+5 |
| 3 | Chốt danh sách sở hữu cuối cùng | T + 15 |
| 4 | Phân bổ và thông báo quyền mua cổ phần | T+25 |
| 5 | Cổ đông đăng ký nộp tiền mua cổ phần | Từ ngày T+25 đến ngày T+45 |
| 6 | Tổng hợp thực hiện quyền | Từ ngày T+45 đến ngày T+50 |
| 7 | Xử lý số cổ phiếu không bán hết và số cổ phiếu lẻ | Từ ngày T+51 đến ngày T+70 |
| 8 | Báo cáo kết quả đợt chào bán ra công chúng | Từ ngày T+71 đến ngày T+72 |

**9. Đăng ký mua cổ phần**

Các nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần và nộp tiền mua cổ phần tại :

**Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất**

Địa chỉ: Văn phòng Công ty Phòng 101 -103, Lầu 1 số 35-37 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. HCM.

TN FLAT STEEL

**10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài.**

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của cổ đông là người nước ngoài. Vì vậy, cổ đông là người nước ngoài có thể mua bán cổ phiếu của Công ty theo quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành.

Căn cứ theo quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ thì nhà đầu tư nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng.

## 11. Các loại thuế có liên quan.

- **Đối với Công ty**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp*** Theo giấy phép đầu tư số 492.031.000.61 cấp lần đầu ngày 20/09/2007 và thay đổi lần 2 ngày 12/05/2009 do tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp, Công ty cổ phần Thép tấm lá Thống Nhất có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và hưởng các ưu đãi qua các năm cụ thể như sau:

- Thuế suất 15% lợi nhuận thu được trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và bằng 28% lợi nhuận thu được trong các năm tiếp theo;

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo;

- Doanh nghiệp được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại điều 16 Luật thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005.

- Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

***Thuế giá trị gia tăng và thuế nhập khẩu***: Thuế suất thuế giá trị gia tăng của mặt hàng thép nhập khẩu áp dụng cho Công ty là 10%. Thuế nhập khẩu 0% cho thép tấm, 7% cho thép lá, 10% cho thép hình, 7% cho sản phẩm phôi thép, 10% - 15 % cho sản phẩm thép mạ kẽm, mạ màu.

- **Đối với nhà đầu tư**

Theo Nghị định 100/2008/NĐ-CP ngày 08 tháng 09 năm 2008 có hiệu lực vào ngày 01 tháng 01 năm 2009 thì các cá nhân hoạt động chuyển nhượng chứng khoán đều phải nộp thuế thu nhập cá nhân, với mức thuế suất được áp dụng là 20% trên thu nhập chịu thuế hoặc 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán.

## 12. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu từ đợt phát hành sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa do Công ty mở tại Ngân hàng Thương Mại CP Ngoại Thương Việt Nam, Chi Nhánh TPHCM

| | |
|---|---|
| Số TK | : 0071005673884 |
| Địa chỉ | : 29 Bến Chương Dương |
| Số điện thoại | : 84 (8) 39141777 |
| Số fax | : 84 (8) 38216781 |

# VI. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH.

## 1. Mục đích phát hành

Bổ sung vốn lưu động để phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Cơ cấu lại tỷ lệ Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản, đảm bảo cơ cấu tài chính đạt mức hợp lý và an toàn, giảm bớt rủi ro về tài chính do sự lệ thuộc quá nhiều vào nguồn vốn vay ngân hàng và tăng cường khả năng tự chủ về tài chính cho Công ty..

## 2. Phương án khả thi

Việc tăng vốn nhằm bổ sung nguồn vốn lưu động và tái cấu trúc tài chính Công ty dự kiến sẽ cải thiện tình hình tài chính Công ty, cụ thể các chỉ tiêu về thanh toán và chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn của Công ty sẽ được cải thiện đáng kể:

| Các chỉ tiêu | 9T/2010 | Dự kiến 2010 | Tăng/ giảm |
|---|---|---|---|
| **a. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán** | | | |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn: *TSLĐ/Nợ ngắn hạn* | **1.45** | **1.85** | **0.32** |
| - Hệ số thanh toán nhanh: *(TSLĐ - HTK)/Nợ ngắn hạn* | **0.60** | **0.99** | **0.32** |
| **b. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn** | | | |
| - Hệ số Nợ/Tổng tài sản | **71.12%** | **65.0%** | **-5.8%** |
| - Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | **246.3%** | **186.1%** | **-57.3%** |

Trên đây không lấy số liệu của năm 2009 là do năm 2009 nhà máy chưa hoạt động, Công ty chưa có doanh thu bán hàng cho nên các chỉ số tài chính chưa phản ánh đúng hoạt động thực của Công ty.

Số liệu 09T/2010 lấy trên Báo cáo tài chính Quý 3/2010 của Công ty, còn số liệu dự kiến năm 2010 được xây dựng căn cứ trên trường hợp đợt phát hành 60 tỷ đồng mệnh giá cổ phiếu lần này thành công.

Mặt khác, việc huy động vốn thêm 60 tỷ đồng mệnh giá cũng đồng nghĩa với việc Công ty sẽ bớt được vay vốn ngân hàng 60 tỷ đồng để mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh (tiền lãi ngân hàng phải trả nếu vay vốn: 60 tỷ * lãi suất vay bình quân 14,5%/năm).

## VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để đầu tư, mua nguyên vật liệu đầu vào phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

## VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

### 1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM THÉP LÁ THỐNG NHẤT**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại**: (84-64) 3923636**

Fax: **(84-64) 3923889**

Website: www.tnsteel.vn Email: tnsteel@tnsteel.vn

### 2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoai: **(84-8) 39 144 290**

Fax: **(84-8) 39 142 295**

Website: www.ors.com.vn Email: ors@ors.com.vn

### 3. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN (AASC)**

Địa chỉ: 27 Lam Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 3848.5983

Fax: (84-8) 3547.1838

Website: www.aasc.com.vn Email: aaschcm@aasc.com.vn

# PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. Phụ lục II: Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty CP Thép tấm lá Thống Nhất.
3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính năm 2008, 2009 đã được kiểm toán, và BCTC Quý 3/2010.
4. Phụ lục IV: Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, BGĐ, BKS, KTT
5. Phụ lục V: Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010, nghị quyết HĐQT thông qua phương án phát hành cổ phần.
6. Phụ lục VI: Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng.

TN FLAT STEEL

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NGÀY 25 THÁNG 01 NĂM 2011**

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THỐNG NHẤT**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc**

Huỳnh Công Du

**Trưởng Ban Kiểm soát**

Nguyễn Thanh Phong

**Kế toán Trưởng**

Lê Sơn Nam

**TỔ CHỨC TƯ VẤN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

**Tổng Giám Đốc**

VŨ HỒNG HẠNH